

# **LUẬN VĂN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC**

**Đề tài:**

## **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH HÀ TĨNH**

**Sinh viên thực hiện: Nguyễn Thị Hoa**

**Lớp: K45 KTDN**

# Lời Cảm Ơn

Để hoàn thành Khóa luận tốt nghiệp “Thực trạng công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Đà Tĩnh”, em đã nhận được sự giúp đỡ của các thầy cô và các cơ quan, đoàn thể trong suốt quá trình thực hiện Khóa luận.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến cô giáo, TS. Hoàng Thùy Dương - Giảng viên khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Huế đã quan tâm giúp đỡ và đóng góp ý kiến chân thành cho em trong suốt quá trình thực hiện Khóa luận.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong Khoa Kế toán – Kiểm toán đã nhiệt tình truyền đạt kiến thức cho chúng em trong suốt 4 năm học vừa qua. Em cũng xin cảm ơn các thầy cô đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành đề tài Khóa luận này.

Em chân thành gửi lời cảm ơn đến Ban giám đốc, Phòng Kế toán – quỹ, Phòng kinh doanh, Phòng Kiểm soát rủi ro của ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Đà Tĩnh đã nhiệt tình hướng dẫn, góp ý, cung cấp cho em những tài liệu, số liệu cần thiết, tạo điều kiện cho em hoàn thành Khóa luận đúng thời hạn.

Sau cùng, em xin chân thành cảm ơn gia đình, bạn bè đã động viên, giúp đỡ em vượt qua khó khăn trong suốt quá trình thực hiện Khóa luận.

Mặc dù đã cố gắng nhưng Khóa luận khó tránh khỏi những thiếu sót, em rất mong nhận được những ý kiến, sự đóng góp quý báu từ quý thầy cô và bạn bè.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn!

Huế, tháng 5 năm 2015

Sinh viên

Nguyễn Thị Hoa

## MỤC LỤC

<b>PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ.....</b>	<b>1</b>
1. Lý do lựa chọn đề tài.....	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
3. Đối tượng nghiên cứu.....	2
4. Phạm vi nghiên cứu.....	2
5. Phương pháp nghiên cứu.....	2
6. Kết cấu đề tài.....	3
<b>PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....</b>	<b>4</b>
<b>CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.....</b>	<b>4</b>
1.1. Tổng quan về Ngân hàng thương mại .....	4
1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại.....	4
1.1.2. Chức năng của Ngân hàng thương mại.....	4
1.1.3. Vai trò của Ngân hàng thương mại.....	6
1.2. Vốn và tầm quan trọng của vốn huy động đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng .....	9
1.2.1. Vốn của Ngân hàng thương mại .....	9
1.2.2. Vai trò của nguồn vốn huy động đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng....	10
1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác huy động vốn .....	11
1.3.1. Nhóm nhân tố khách quan .....	11
1.3.2. Nhóm nhân tố chủ quan .....	12
1.4. Các hình thức huy động vốn .....	13
1.4.1. Huy động vốn từ tiền gửi .....	13
1.4.2. Huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm.....	14
1.4.3. Huy động từ phát hành giấy tờ có giá.....	14
1.4.4. Huy động từ nguồn vốn đi vay .....	15
1.4.5. Huy động từ các nguồn khác .....	15

1.5. Tổng quan về kế toán huy động vốn tại Ngân hàng thương mại .....	16
1.5.1. Khái niệm, vai trò của kế toán huy động vốn .....	16
1.5.2. Nghiệp vụ kế toán huy động vốn từ tài khoản tiền gửi.....	16
<b>CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH HÀ TĨNH.....</b>	<b>25</b>
2.1. Tổng quan về Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín.....	25
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển .....	25
2.1.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Hà Tĩnh .....	26
2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.....	33
2.1.4. Phân tích tình hình huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh .....	37
2.2. Thực trạng về kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh .....	41
2.2.1. Tài khoản và chứng từ sử dụng.....	41
2.2.2. Quy trình kế toán nghiệp vụ huy động tiền gửi .....	43
<b>CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIỆN KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH HÀ TĨNH.....</b>	<b>72</b>
3.1. Định hướng phát triển trong thời gian tới của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh	72
3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh .....	73
3.2.1. Những kết quả đạt được.....	73
3.2.2. Hạn chế .....	74
3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh .....	75
<b>PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>77</b>
1. Kết luận.....	77
2. Kiến nghị.....	78
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>79</b>
<b>PHỤ LỤC</b>	

## DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ATM	Automated Teller Machine (Máy rút tiền tự động)
CV	Chuyên viên
CKH	Có kỳ hạn
GDV	Giao dịch viên
KH	Khách hàng
KKH	Không kỳ hạn
NH	Ngân hàng
NHTM	Ngân hàng thương mại
NHNN	Ngân hàng nhà nước
Sacombank	Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín
TK	Tài khoản
TMCP	Thương mại cổ phần
UNC	Uỷ nhiệm chi

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU

### **Bảng**

Bảng 2.1: Nguồn nhân lực Sacombank - Chi nhánh Hà Tĩnh .....	29
Bảng 2.2. Kết quả kinh doanh của Chi nhánh qua 3 năm 2012 - 2014 .....	31
Bảng 2.3. Tình hình huy động vốn theo loại tiền năm 2012 – 2014.....	37
Bảng 2.4. Tình hình huy động vốn theo kỳ hạn năm 2012 – 2014.....	38
Bảng 2.5. Tình hình huy động vốn theo đối tượng năm 2012 – 2014 .....	40

### **Biểu**

Biểu 2.1. Giấy nộp tiền.....	45
Biểu 2.2. Bảng kê thu tiền.....	46
Biểu 2.3. Giấy rút tiền mặt .....	48
Biểu 2.4. Bảng kê chi tiền .....	49
Biểu 2.5. Giấy lĩnh tiền .....	50
Biểu 2.6. Bảng kê chi tiền .....	51
Biểu 2.7. Ủy nhiệm chi.....	52
Biểu 2.8. Hóa đơn giá trị gia tăng .....	54
Biểu 2.9. Giấy nộp tiền.....	57
Biểu 2.10. Bảng kê thu tiền.....	58
Biểu 2.11: Giấy lĩnh tiền .....	59
Biểu 2.12. Bảng kê chi tiền .....	59
Biểu 2.13. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn .....	63
Biểu 2.14. Giấy nộp tiền .....	64
Biểu 2.15. Bảng kê thu tiền.....	65
Biểu 2.16. Giấy lĩnh tiền .....	66
Biểu 2.17. Bảng kê chi tiền .....	67
Biểu 2.18. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn .....	71

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.....	27
Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán.....	34
Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ đối với nghiệp vụ tiền gửi.....	42

## PHẦN I. ĐẶT VẤN ĐỀ

### 1. Lý do lựa chọn đề tài

Đất nước ta đang trong thời kỳ đổi mới mạnh mẽ nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa-hiện đại hóa, cải tiến và nâng cao cuộc sống của nhân dân. Đồng thời quá trình hội nhập nền kinh tế khu vực và quốc tế ngày càng được mở rộng, các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế đang phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt. Điều đó đòi hỏi nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng cần phải có chiến lược, chính sách phát triển đúng đắn, phù hợp và đòi hỏi nhu cầu về nguồn vốn ngày càng tăng.

Ngân hàng thương mại là một trong những trung gian tài chính có vai trò quan trọng trong việc cung ứng vốn cho nền kinh tế, là nơi tập trung mọi nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế và phân phối chúng cho các nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh và các nhu cầu khác của doanh nghiệp, cá nhân và tổ chức. Hoạt động chính của Ngân hàng là: “đi vay để cho vay”. Từ đó có thể thấy vai trò quan trọng của nguồn vốn đối với hoạt động của Ngân hàng. Vốn của Ngân hàng thương mại là những giá trị tiền tệ do bản thân Ngân hàng thương mại tự tạo lập hoặc huy động để cho vay, đầu tư và thực hiện các dịch vụ kinh doanh khác. Vốn huy động là nguồn vốn chủ yếu chiếm tỷ trọng rất lớn trong các Ngân hàng, nếu Ngân hàng phát huy tốt công tác huy động vốn không những mở rộng công tác cho vay, tăng cường vốn cho nền kinh tế mà còn mang lại nhiều lợi nhuận. Việc thu hút nguồn vốn với chi phí cao, sự ổn định thấp không phù hợp với sử dụng vốn về quy mô, kết cấu có thể làm hạn chế khả năng sinh lời đồng thời đặt Ngân hàng trước trước rủi ro lãi suất, rủi ro thanh khoản. Do đó yêu cầu tăng cường huy động vốn với chi phí thấp và có sự ổn định cao được đặt ra hết sức cấp thiết với Ngân hàng thương mại Việt Nam nói chung cũng như Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) nói riêng.

Kế toán huy động vốn thông qua các số liệu thu thập đóng vai trò quan trọng trong quá trình vận động vốn, thể hiện tình hình huy động cũng như hiệu quả huy động vốn. Đồng thời kế toán huy động vốn cũng đưa ra những thông tin, số liệu kế toán giúp đưa ra những giải pháp, chiến lược cho các nhà quản trị cũng như các quyết định kinh tế, tài chính của Ngân hàng.



Trong thời gian thực tập tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh, nhận thấy rõ tầm quan trọng của công tác kế toán huy động vốn nên em đã quyết định lựa chọn đề tài **“Thực trạng công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh”** làm đề tài cho khóa luận tốt nghiệp.

## **2. Mục tiêu nghiên cứu**

Đề tài được nghiên cứu nhằm đạt được những mục tiêu:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về kế toán huy động vốn tại Ngân hàng thương mại.
- Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.
- Tiến hành đánh giá công tác kế toán huy động vốn tại Ngân hàng, rút ra các ưu nhược điểm còn tồn tại từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.

## **3. Đối tượng nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu là công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.

## **4. Phạm vi nghiên cứu**

Phạm vi không gian: nghiên cứu được thực hiện tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh, tại bộ phận Kế toán- quỹ

Phạm vi thời gian: Thời gian thu thập, nghiên cứu từ ngày 19/01/2015 đến ngày 16/05/2015. Số liệu được thu thập trong giai đoạn 2012 - 2014

## **5. Phương pháp nghiên cứu**

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu: tìm đọc, tham khảo, nghiên cứu các tài liệu liên quan đến đề tài, chủ yếu được thu thập từ sách vở, các trang web về kinh tế và kế toán.
- Phương pháp phỏng vấn trực tiếp: hỏi trực tiếp các đối tượng liên quan nhằm tìm hiểu các thông tin cần thiết cho đề tài nghiên cứu.
- Phương pháp trong hạch toán kế toán: sử dụng các chứng từ, tài khoản, sổ sách hạch toán, theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động huy động tiền gửi tại Ngân hàng.
- Phương pháp phân tích: dựa trên các thông tin liên quan thu thập được, tiến hành phân tích, rút ra nhận xét về các đặc điểm của kế toán huy động vốn.

- Phương pháp so sánh: so sánh các số liệu thu thập được về mặt tương đối và tuyệt đối, từ đó đưa ra kết quả.

## **6. Kết cấu đề tài**

Kết cấu đề tài gồm có 3 phần:

### **Phần I. Đặt vấn đề**

### **Phần II. Nội dung và kết quả nghiên cứu**

Chương 1. Cơ sở lý luận về kế toán huy động vốn tại Ngân hàng thương mại.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.

Chương 3: Một số biện pháp góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Sacombank chi nhánh Hà Tĩnh.

### **Phần III. Kết luận và kiến nghị**

## **PHẦN II. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

### **CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**

#### **1.1. Tổng quan về Ngân hàng thương mại**

##### ***1.1.1. Khái niệm Ngân hàng thương mại***

Cho đến thời điểm hiện nay có rất nhiều khái niệm về Ngân hàng thương mại (NHTM):

+ Ở Mỹ: NHTM là công ty kinh doanh tiền tệ, chuyên cung cấp các dịch vụ tài chính và hoạt động trong ngành công nghiệp dịch vụ tài chính.

+ Luật Ngân hàng (NH) của Pháp (năm 1941) định nghĩa: “NHTM là những xí nghiệp hay cơ sở mà nghề nghiệp thường xuyên là nhận tiền bạc của công chúng dưới hình thức kí thác và sử dụng tài nguyên đó cho chính họ trong các nghiệp vụ về chiết khấu, tín dụng và tài chính”.

+ Theo Luật các tổ chức tín dụng Việt Nam năm 2010: “NHTM là loại hình Ngân hàng được thực hiện tất cả các hoạt động Ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Luật này nhằm mục tiêu lợi nhuận”, trong đó “hoạt động Ngân hàng là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ: nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”.

Từ những nhận định trên có thể thấy NHTM là thuật ngữ chỉ các tổ chức tài chính cung cấp một danh mục các dịch vụ tài chính đa dạng nhất đặc biệt là tín dụng, tiết kiệm, các dịch vụ thanh toán và thực hiện nhiều chức năng chính nhất so với bất kì tổ chức kinh doanh nào khác trong nền kinh tế.

##### ***1.1.2. Chức năng của Ngân hàng thương mại***

###### ***1.1.2.1. Chức năng trung gian tín dụng***

Khi thực hiện chức năng tín dụng, NHTM đóng vai trò là “cầu nối” giữa người dư thừa vốn và người có nhu cầu về vốn. Thông qua việc huy động các khoản vốn tiền tệ tạm thời nhàn rỗi trong nền kinh tế, NHTM hình thành nên quỹ cho vay để cấp tín dụng cho nền kinh tế. Với chức năng này, NHTM vừa đóng vai trò là người đi vay,

vừa đóng vai trò là người cho vay và hưởng lợi nhuận là khoản chênh lệch giữa lãi suất nhận gửi và lãi suất cho vay và góp phần tạo lợi ích cho tất cả các bên tham gia: người gửi tiền, Ngân hàng và người đi vay.

Thông qua sự điều chuyển từ người thừa vốn sang người có nhu cầu vốn, NHTM có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế, tăng thêm việc làm, cải thiện mức sống của dân cư, ổn định thu chi của chính phủ.

Chức năng trung gian tín dụng được xem là chức năng quan trọng nhất của NHTM vì nó phản ánh bản chất của NHTM là đi vay để cho vay, nó quyết định sự tồn tại và phát triển của NH. Đồng thời nó cũng là cơ sở để thực hiện các chức năng khác.

### *1.1.2.2. Chức năng trung gian thanh toán*

NHTM làm trung gian thanh toán khi nó thực hiện thanh toán theo yêu cầu của khách hàng (KH) như trích tiền từ tài khoản tiền gửi của họ để thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ hoặc nhập vào tài khoản tiền gửi của KH tiền thu bán hàng và các khoản thu khác theo lệnh của họ. Ở đây NHTM đóng vai trò là người “thủ quỹ” cho các doanh nghiệp và cá nhân bởi NH là người giữ tài khoản của họ. Các NHTM cung cấp cho KH nhiều phương tiện thanh toán tiện lợi như séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, thẻ thanh toán, thẻ rút tiền, thẻ tín dụng... Tùy theo nhu cầu, KH có thể chọn cho mình phương thức thanh toán phù hợp. Do vậy các chủ thể sẽ tiết kiệm được rất nhiều chi phí, thời gian lại đảm bảo thanh toán an toàn. Qua đó, chức năng này thúc đẩy lưu thông hàng hóa, đẩy nhanh tốc độ thanh toán, tốc độ lưu chuyển vốn từ đó góp phần phát triển kinh tế.

Trong một nền kinh tế phát triển, quy mô thanh toán, số lượng các khoản thanh toán và khoảng cách giữa KH với nhau ngày càng tăng lên nhanh chóng. Việc thanh toán trực tiếp giữa các KH sẽ không thể nào thỏa mãn được yêu cầu của nền kinh tế nếu không có hệ thống NHTM làm chức năng trung gian thanh toán cho các chủ thể của nền kinh tế.

Ngày nay, có thể nói rằng hoạt động thanh toán của NHTM chiếm một vị trí quan trọng trong hoạt động của NHTM. Nó tạo điều kiện cho các dịch vụ Ngân hàng khác phát triển dễ dàng hơn, đồng thời nó tiết kiệm một khối lượng lớn tiền mặt trong lưu thông dẫn đến tiết kiệm chi phí lưu thông tiền mặt như chi phí in ấn, bảo quản tiền...

### *1.1.2.3. Chức năng tạo bút tệ*

NHTM là một trong những tổ chức trung gian tài chính, làm trung gian giữa cung và cầu về vốn tiền tệ. Ngoài việc thu hút tiền gửi và cho vay trên số tiền gửi đó NHTM còn tạo tiền khi cấp tín dụng. Nghĩa là vốn cấp qua tín dụng không nhất thiết dựa trên vàng hay tiền giấy đã gửi vào Ngân hàng, tiền vay không trên cơ sở số tiền gửi mà khoản tín dụng đó do NH tạo ra tiền để cho vay gọi là bút tệ. Chức năng tạo tiền được thực thi trên cơ sở hai chức năng khác của NHTM là chức năng tín dụng và chức năng thanh toán. Thông qua chức năng trung gian tín dụng, NH sử dụng số vốn huy động được để cho vay, số tiền cho vay ra lại được KH sử dụng để mua hàng hóa, thanh toán dịch vụ. Với chức năng này hệ thống NHTM đã làm tăng phương tiện thanh toán trong nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu thanh toán, chi trả của xã hội.

(Tham khảo tại: <http://quantri.vn/dict/details/8299-cac-chuc-nang-cua-ngan-hang-thuong-mai>)

### *1.1.3. Vai trò của Ngân hàng thương mại*

#### *1.1.3.1. Ngân hàng thương mại là nơi cung cấp vốn cho nền kinh tế*

NHTM là chủ thể đứng ra huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi do quá trình tích lũy của các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức khác...và sử dụng nguồn vốn huy động được cấp vốn cho nền kinh tế thông qua hoạt động tín dụng. Nhờ có những hoạt động và nghiệp vụ của NHTM mà các doanh nghiệp có điều kiện mở rộng sản xuất, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh từ đó giúp phát triển nền kinh tế.

#### *1.1.3.2. Ngân hàng thương mại là cầu nối giữa doanh nghiệp và thị trường*

Để hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có hiệu quả và đạt lợi nhuận cao, các doanh nghiệp phải thường xuyên quan tâm tới yếu tố đầu vào, trong đó yếu tố đầu vào quan trọng nhất đó chính là vốn. Vì vốn là mối quan tâm hàng đầu, đặt nền tảng cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Chỉ dựa vào nguồn vốn tự có thì doanh nghiệp không thể duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh mà doanh nghiệp cần phải khai thác từ các nguồn tài trợ khác và nguồn vốn tín dụng của các NHTM có thể giúp giải quyết được điều đó. Hay nói cách khác NHTM là cầu nối giữa doanh nghiệp và thị trường, cung ứng vốn từ thị trường cho các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động, cải tiến máy móc, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh từ đó giúp phát triển nền kinh tế.

*1.1.3.3. Ngân hàng thương mại là công cụ để nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế*

Trong nền kinh tế thị trường, NHTM với tư cách là trung tâm tiền tệ của toàn bộ nền kinh tế, đảm bảo sự phát triển hài hòa cho tất cả các thành phần kinh tế khi tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh, có thể nói mỗi sự dao động của Ngân hàng đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến các thành phần kinh tế khác. Do đó, sự hoạt động hiệu quả của NHTM thông qua các nghiệp vụ kinh doanh của nó thực sự là công cụ tốt để Nhà nước điều tiết vĩ mô nền kinh tế.

Mặt khác thông qua NHTM, NHNN có thể ấn định mức lãi suất huy động, quy định thời hạn cho vay, tăng hoặc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc để thực thi chính sách tiền tệ mở rộng hay thắt chặt nhằm quản lý lượng tiền trong lưu thông, đảm bảo sự ổn định của thị trường tiền tệ. Việc điều tiết vĩ mô nền kinh tế thông qua hệ thống NHTM thường đạt hiệu quả cao trong thời gian ngắn nên thường được Nhà nước sử dụng.

*1.1.3.4. Ngân hàng thương mại là cầu nối nền tài chính quốc gia và nền tài chính quốc tế*

Trong nền kinh tế thị trường, khi các mối quan hệ hàng hóa, tiền tệ ngày càng được mở rộng thì nhu cầu giao lưu kinh tế- xã hội giữa các quốc gia trên thế giới ngày càng trở nên cần thiết và cấp bách. Việc phát triển nền kinh tế của mỗi quốc gia luôn gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế quốc tế. NHTM với những hoạt động của mình đã có những đóng góp không nhỏ vào sự hòa nhập nền kinh tế quốc tế. Với các nghiệp vụ thanh toán, nghiệp vụ hối đoái, quan hệ tín dụng với các NHTM nước ngoài NHTM đã tạo điều kiện thúc đẩy ngoại thương phát triển, thực hiện vai trò điều tiết nền tài chính quốc gia phù hợp với sự vận động của nền tài chính quốc tế

**1.1.4. Những đặc thù hoạt động kinh doanh của Ngân hàng thương mại**

*1.1.4.1. Hoạt động của Ngân hàng hàm chứa rủi ro*

Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực tiền tệ, hoạt động của các NHTM hàm chứa nhiều rủi ro, cụ thể là:

- Rủi ro tín dụng: rủi ro tín dụng là khoản lỗ tiềm tàng vốn có được tạo ra khi Ngân hàng cấp tín dụng cho khách hàng. Rủi ro tín dụng phát sinh trong trường hợp Ngân hàng không thu được đầy đủ cả gốc và lãi cho khoản vay hoặc là việc thanh toán gốc và lãi không đúng hạn. Rủi ro tín dụng là loại rủi ro phức tạp nhất, việc quản lý và phòng ngừa nó rất khó khăn, nó có thể xảy ra ở bất cứ đâu, bất cứ lúc nào... Rủi ro tín dụng nếu không được phát hiện và xử lý kịp thời sẽ nảy sinh các rủi ro khác.

- Rủi ro lãi suất: là những tổn thất cho Ngân hàng khi lãi suất thị trường có sự biến động. Có hai loại rủi ro lãi suất là rủi ro tái tài trợ tài sản nợ và tái đầu tư tài sản có.

- Rủi ro thanh khoản: là nguy cơ mất khả năng chi trả của Ngân hàng khi khách hàng có nhu cầu rút tiền. Đối với các tổ chức tài chính nói chung, các NHTM nói riêng thì rủi ro thanh khoản là xảy ra thường xuyên và nghiêm trọng hơn cả. Bởi rủi ro thanh khoản có tính chất lan truyền, nếu người gửi tiền nhận thấy Ngân hàng gặp rắc rối về thanh khoản thì sẽ đồng loạt rút tiền ra khỏi Ngân hàng.

- Rủi ro hối đoái: Là loại rủi ro do sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường. Rủi ro này xuất hiện khi Ngân hàng không có sự cân bằng về trạng thái ngoại hối tại thời điểm tỷ giá biến đổi.

- Rủi ro về nguồn vốn: Thường xảy ra một trong hai trường hợp:

+ Trường hợp thừa vốn tức là vốn bị ứ đọng không cho vay và đầu tư được, vì vậy không sinh lãi trong khi đó Ngân hàng vẫn phải trả lãi hàng ngày cho người có tiền gửi vào Ngân hàng.

+ Trường hợp thiếu vốn: Xảy ra khi Ngân hàng không đáp ứng được nhu cầu cho vay và đầu tư hoặc không đáp ứng được nhu cầu thanh toán của khách hàng.

Ngoài ra còn có các loại rủi ro khác như: rủi ro công nghệ, rủi ro quốc gia gắn liền với các hoạt động đầu tư.

#### *1.1.4.2. Ngân hàng lấy đối tượng kinh doanh chính là tiền tệ*

Có thể nói Ngân hàng đã kinh doanh một loại hàng hoá đặc biệt trên thị trường tiền tệ với đặc tính xã hội hoá cao, tính cảm ứng và tính nhạy cảm với mọi thay đổi trong nền kinh tế. Đây chính là đặc điểm cơ bản phân biệt lĩnh vực Ngân hàng với các lĩnh vực kinh doanh khác. Giá cả trong kinh doanh Ngân hàng chính là lãi suất. Sự vận động lên hoặc xuống của lãi suất ảnh hưởng đến rất nhiều mối quan hệ kinh tế - xã hội khác nhau. Lãi suất là một trong các yếu tố thu hút khách hàng đến với Ngân hàng hiệu quả. Do vậy, trong thực tiễn hoạt động các Ngân hàng luôn cố gắng xây dựng biểu lãi suất hợp lý để tăng cường sức cạnh tranh của mình trên thị trường.

*1.1.4.3. Nguồn vốn chủ yếu để các Ngân hàng thương mại hoạt động kinh doanh chính là nguồn vốn huy động*

Vốn huy động là nguồn vốn dài hạn và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn của Ngân hàng. Đặc điểm của nguồn vốn này là Ngân hàng không có quyền sở hữu và đáp ứng những điều kiện đã thoả thuận với khách hàng mà Ngân hàng được sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định để cho vay hoặc đầu tư vào lĩnh vực khác.

*1.1.4.4. Kinh doanh Ngân hàng là loại hình kinh doanh mang tính hệ thống cao*

Khi cho các tổ chức, cá nhân vay một số tiền lớn, tổ chức cá nhân đó không có khả năng trả Ngân hàng, điều này dẫn đến Ngân hàng không có tiền cho người dân hay tổ chức khác vay nữa. Như vậy, hoạt động đó ảnh hưởng đến toàn bộ hệ thống Ngân hàng, thay đổi sự quản lý thậm chí có thể thay đổi cả hệ thống chính quyền.

Khi Ngân hàng bị thiệt hại, khủng hoảng dẫn đến tình trạng phá sản, như vậy, người dân- nguồn để thu hút tiền tệ lưu thông mất niềm tin, sẽ không gửi vào Ngân hàng nữa, người dân sẽ tích tiền ở nhà, việc lưu thông tiền hạn chế, nhà nước in thêm tiền sẽ nảy sinh lạm phát.

Tính hệ thống không chỉ đơn thuần là do yêu cầu có sự thống nhất về kỹ thuật nghiệp vụ trên phạm vi ngày càng rộng mà nó còn được bổ sung bởi nhu cầu phải hỗ trợ lẫn nhau giữa các Ngân hàng về thanh khoản vốn khả dụng, về chia sẻ rủi ro để đảm bảo sự an toàn của cả hệ thống và nền kinh tế.

( Tham khảo tại Nguyễn Thị Mùi, (2006), Quản trị Ngân hàng thương mại, NXB Thống kê)

## **1.2. Vốn và tầm quan trọng của vốn huy động đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng**

### *1.2.1. Vốn của Ngân hàng thương mại*

Vốn của NHTM là những giá trị tiền tệ do Ngân hàng tự tạo lập hoặc huy động được dùng để cho vay, đầu tư hoặc thực hiện các dịch vụ kinh doanh khác. Nó chi phối toàn bộ hoạt động của NHTM, quyết định sự tồn tại và phát triển của Ngân hàng, bao gồm:

- Vốn tự có: là toàn bộ những giá trị tiền tệ do Ngân hàng tạo lập được, thuộc sở hữu của Ngân hàng. Vốn tự có là điều kiện để Ngân hàng được thành lập và duy trì hoạt động kinh doanh của mình, chỉ được phép hoàn trả cho chủ sở hữu sau khi Ngân



hàng hoàn thành nghĩa vụ đối với chủ nợ có bảo lãnh trong trường hợp bị thanh lý hay bị phá sản. Vốn tự có bao gồm hai bộ phận là vốn điều lệ và vốn tự có bổ sung.

Vốn điều lệ là mức vốn tối thiểu phải có để thành lập Ngân hàng do pháp luật quy định, là vốn do cổ đông đóng góp và được ghi vào điều lệ hoạt động của NH và theo quy định tối thiểu phải bằng vốn pháp định. Nguồn gốc vốn điều lệ phụ thuộc vào hình thức sở hữu của NH, nếu là NH quốc doanh thì vốn điều lệ là do ngân sách nhà nước cấp, nếu là NH cổ phần thì vốn điều lệ do cổ đông góp, nếu là Ngân hàng liên doanh thì vốn điều lệ do các bên liên doanh góp...

Vốn tự có bổ sung là phần vốn thực có tăng thêm trong quá trình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bao gồm: quá trình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng nhằm bảo toàn vốn điều lệ, phần lợi nhuận để lại chưa phân bổ, các quỹ đặc biệt như quỹ phát triển nghiệp vụ Ngân hàng, quỹ khen thưởng, quỹ khấu hao TSCĐ...

- Vốn huy động: là những giá trị tiền tệ mà Ngân hàng huy động từ các tổ chức kinh tế và các cá nhân trong xã hội và được dùng làm vốn để kinh doanh. Vốn huy động là tài sản thuộc các chủ sở hữu khác nhau. Nguồn vốn này không thuộc quyền sở hữu của Ngân hàng nhưng Ngân hàng được quyền sử dụng trong thời gian huy động và có trách nhiệm hoàn trả cả gốc và lãi khi đến hạn hoặc khi họ có nhu cầu rút vốn. Nguồn vốn này rất dễ bị biến động, được huy động dưới nhiều hình thức khác nhau. Hình thức huy động vốn phổ biến hiện nay của Ngân hàng là huy động từ các khoản tiền nhàn rỗi của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp dưới hình thức tiền gửi thanh toán, tiền gửi tiết kiệm,... Nguồn vốn huy động có vai trò rất quan trọng đối với mọi hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Vốn vay: Trong quá trình hoạt động, NHTM còn có thể vay vốn từ các NHTM khác, vay của NHTM nước ngoài hoặc vay ngắn hạn dưới hình thức tái cấp vốn của NHNN theo quy định của pháp luật.

### ***1.2.2. Vai trò của nguồn vốn huy động đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng***

Hoạt động huy động vốn có một vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Nguồn vốn huy động là nguồn vốn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng nguồn vốn của NH và là nguồn vốn chủ yếu đáp ứng nhu cầu tín dụng của nền kinh tế, phản ánh tiềm năng và sức mạnh của NH. Những NH lớn, huy động được

nhiều vốn sẽ dễ dàng tham gia tài trợ cho các dự án có quy mô, kéo dài thời hạn tín dụng để có thể cạnh tranh với các NH khác, góp phần mở rộng quy mô tín dụng. Do vậy, hoạt động huy động vốn góp phần mang lại nguồn vốn cho NH thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh khác và góp phần hiệu quả vào quá trình hoạt động và phát triển của NH.

Ngoài ra, vốn huy động còn góp phần quyết định quy mô hoạt động của NH, nếu NH có nguồn vốn huy động lớn, NH sẽ có đủ khả năng mở rộng phạm vi, tăng khả năng thanh toán, có đủ khả năng tài chính để tạo thêm nhiều sản phẩm mới, kinh doanh đa năng trên thị trường. Từ đó, giúp NH thu hút được nhiều KH tiềm năng, góp phần phân tán rủi ro trong kinh doanh đồng thời tăng sức cạnh tranh của NH trên thị trường.

### **1.3. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác huy động vốn**

#### **1.3.1. Nhóm nhân tố khách quan**

- Sự phát triển của nền kinh tế: như ta đã biết sự phát triển của nền kinh tế tác động đến thu nhập của các tổ chức và cá nhân. Khi nền kinh tế phát triển, thu nhập của các tổ chức và cá nhân ngày càng cao, từ đó lượng tiền nhàn rỗi, tích lũy được bằng cách gửi vào Ngân hàng ngày càng nhiều. Có thể nói đây là yếu tố quyết định đến công tác huy động vốn của Ngân hàng.

- Môi trường pháp lý và các chính sách kinh tế vĩ mô: Những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến chủ trương, phương hướng trong hoạt động huy động vốn cũng như các hoạt động khác của NHTM. Các hoạt động của NHTM phải dựa trên cơ sở tuân thủ pháp luật và chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước như chính sách tiết kiệm, chính sách lãi suất,.. Ngân hàng nhà nước điều hành chính sách tiền tệ theo hướng nâng cao năng lực, hiệu quả thị trường, phối hợp chặt chẽ với các chính sách kinh tế vĩ mô khác thì mới tạo điều kiện và thúc đẩy phát triển các thị trường tiền tệ cũng như hoạt động của hệ thống Ngân hàng. Mặt khác, việc xây dựng một môi trường pháp lý lành mạnh, hợp lý cũng là một nhân tố quan trọng góp phần tăng cường hiệu quả hoạt động huy động vốn của các NHTM.

- Nhu cầu về vốn của nền kinh tế: NHTM với vai trò là trung gian tài chính tập trung vốn và cung cấp vốn cho nền kinh tế. Khi nhu cầu về vốn của nền kinh tế giảm thì khả năng huy động vốn của Ngân hàng cũng giảm.

- Quy mô dân cư, chất lượng đời sống người dân: ở những nơi dân cư đông đúc, mức sống của người dân cao sẽ là thị trường tiềm năng cho công tác huy động vốn của Ngân hàng. Ngân hàng cần tập trung vào các khu vực này để thu hút vốn. Ngược lại, ở những vùng hẻo lánh, dân cư thưa thớt, mức sống của người dân thấp, khả năng họ tiếp cận với các dịch vụ Ngân hàng thấp và khả năng có lượng tiền nhàn rỗi cũng ít hơn khiến công tác huy động vốn của Ngân hàng gặp nhiều khó khăn.

### ***1.3.2. Nhóm nhân tố chủ quan***

- Uy tín của NHTM: Khi đem tiền gửi vào NHTM, người gửi tiền thường lo sợ trước sự biến động thường xuyên của nền kinh tế, vì thế họ thường cân nhắc và lựa chọn NH nào đảm bảo an toàn và hiệu quả cho đồng tiền mà họ gửi hay nói cách khác là có uy tín nhất với người gửi tiền. Thông thường uy tín của NHTM được người gửi tiền đánh giá qua các tiêu chí: sự hoạt động lâu năm, quy mô, chất lượng các sản phẩm, dịch vụ, trình độ cán bộ nhân viên, khả năng chi trả lãi vay..Do đó NHTM cần thường xuyên nâng cao nghiệp vụ để nâng cao uy tín của mình, đáp ứng nhu cầu và mong muốn của khách hàng.

- Lãi suất huy động của Ngân hàng: là khoản thu nhập mà khách hàng sẽ có khi cho Ngân hàng sử dụng vốn của mình. Nếu lãi suất huy động cao thì sẽ thu hút được nhiều vốn. Tuy nhiên, nếu lãi suất huy động vốn cao thì lãi suất cho vay cũng phải cao thì kinh doanh của Ngân hàng mới có lãi. Do đó Ngân hàng cần thực hiện chính sách lãi suất linh hoạt và phù hợp sao cho vừa có thể huy động được vốn, vừa có thể cạnh tranh mà không ảnh hưởng đến các hoạt động khác của Ngân hàng.

- Các hình thức huy động vốn và hệ thống mạng lưới: các hình thức huy động vốn của NHTM càng phong phú, đa dạng, đáp ứng các nhu cầu và tâm lý khác nhau trong dân cư, hệ thống mạng lưới rộng rãi thì khả năng thu hút vốn trong nền kinh tế càng lớn khiến nhiều khách hàng đến với NH, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác huy động vốn. Ngược lại, nếu các hình thức huy động vốn của NHTM chưa đa dạng, phong phú, hệ thống mạng lưới còn ít, chưa thuận lợi cho KH trong việc giao dịch sẽ khiến công tác huy động vốn gặp nhiều khó khăn.

- Chính sách giao tiếp, khuyến khích trương: Các Ngân hàng thường quan tâm hàng đầu tới các chính sách giao tiếp khuyến khích trương. Bởi vì sự giao tiếp của nhân viên với

khách hàng tạo ra hình ảnh của Ngân hàng, tạo ra sự tin tưởng của khách hàng đối với Ngân hàng. Giao tiếp tốt sẽ bảo vệ lợi ích của Ngân hàng. Bên cạnh đó, quảng cáo cũng là một phương tiện rất quan trọng để nâng cao vị thế của Ngân hàng, thu hút thêm khách hàng cho Ngân hàng, tạo lòng tin của khách hàng đối với Ngân hàng.

(Tham khảo tại Lê Trung Thành, (2002), Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại và các khóa luận cùng đề tài).

#### **1.4. Các hình thức huy động vốn**

##### **1.4.1. Huy động vốn từ tiền gửi**

###### **1.4.1.1. Tiền gửi không kỳ hạn**

Loại tiền gửi này của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân gửi vào Ngân hàng với mục đích chính là để thực hiện các khoản chi trả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng.

Đặc điểm của tiền gửi không kỳ hạn (KKH) là người gửi tiền có thể gửi và rút tiền bất cứ lúc nào trong phạm vi số dư tài khoản. Với tính chất linh hoạt của số dư và người gửi tiền được hưởng các lợi ích thanh toán nên tiền gửi thanh toán không được Ngân hàng trả lãi hoặc được trả nhưng với lãi suất thấp.

Tiền gửi KKH được phản ánh trên tài khoản có tên gọi “Tài khoản tiền gửi không kỳ hạn” hay còn gọi là tài khoản thanh toán. Tính chất của tài khoản thanh toán là luôn luôn dư Có. Tuy nhiên nếu giữa Ngân hàng và người gửi tiền thỏa thuận với nhau sử dụng hình thức thấu chi tài khoản thì tài khoản này có thể dư Có cũng có thể dư Nợ.

###### **1.4.1.2. Tiền gửi có kỳ hạn**

Loại tiền gửi này của các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, cá nhân gửi vào NHTM với mục đích hưởng lãi.

Đặc điểm của tiền gửi có kỳ hạn (CKH) là người gửi tiền chỉ được lĩnh tiền sau một thời hạn nhất định từ một vài tháng đến một vài năm. Tuy nhiên do những lý do khác nhau, người gửi tiền có thể rút tiền trước hạn, trường hợp này người gửi tiền không được hưởng lãi hoặc được hưởng theo lãi suất thấp, tùy theo quy định của mỗi Ngân hàng.

Có nhiều kỳ hạn gửi tiền cho khách hàng lựa chọn, loại thời hạn từ 1 tháng, 3 tháng, 6 tháng, 12 tháng,...Thời hạn càng dài thì lãi suất càng cao.

#### ***1.4.2. Huy động vốn từ tiền gửi tiết kiệm***

Tiền gửi tiết kiệm là khoản tiền của các cá nhân được gửi vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm, được xác nhận trên thẻ tiết kiệm, được hưởng lãi theo quy định của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm và được bảo hiểm theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

Mục đích của người gửi tiết kiệm là để hưởng lãi và để tích lũy, do vậy tài khoản tiền gửi tiết kiệm không được dùng để phát hành séc hay thực hiện các khoản thanh toán khác ngoại trừ người gửi tiền đề nghị trích tài khoản tiết kiệm để trả nợ vay hay chuyển sang một tài khoản khác của chính chủ tài khoản.

##### ***1.4.2.1. Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn***

Là tiền gửi tiết kiệm người gửi tiền có thể rút tiền theo yêu cầu mà không cần báo trước vào bất kỳ ngày làm việc nào của tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm, song không được sử dụng các công cụ thanh toán để chi trả cho người khác. Khi khách hàng gửi tiền vào Ngân hàng, Ngân hàng cấp cho khách hàng một cuốn sổ, khách hàng phải quản lý và mang theo mỗi khi đến Ngân hàng giao dịch. Loại tiền gửi này thường xuyên biến động, khách hàng có thể rút ra bất kỳ thời điểm nào, do đó Ngân hàng không chủ động khi sử dụng nguồn vốn huy động này. Chính vì thế, Ngân hàng thường phải chi trả mức lãi suất rất thấp.

##### ***1.4.2.2. Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn***

Là tiền gửi tiết kiệm mà người gửi tiền chỉ có thể rút tiền sau một kỳ hạn gửi tiền nhất định theo thỏa thuận với tổ chức nhận gửi tiền tiết kiệm, chủ yếu là tiền nhàn rỗi của các cá nhân gửi vào Ngân hàng với mục đích hưởng lãi cao.

Trường hợp người gửi tiền muốn rút trước hạn thì phải có sự thỏa thuận với nơi nhận gửi tiền ngay khi gửi và người gửi tiền chỉ được hưởng lãi suất không vượt quá lãi suất tiền gửi tiết kiệm KKH. Nếu người gửi tiền không có sự thỏa thuận trước thì vẫn được lĩnh ra trước hạn nhưng phải chịu một mức phí đối với khoản tiền rút trước hạn và hưởng lãi suất như trường hợp trên.

#### ***1.4.3. Huy động từ phát hành giấy tờ có giá***

Các giấy tờ có giá là các công cụ nợ do Ngân hàng phát hành để huy động vốn trên thị trường. Nguồn vốn này tương đối ổn định để sử dụng cho một mục đích nào đó. Lãi suất của loại này phụ thuộc vào sự cấp thiết của việc huy động vốn nên thường cao hơn lãi suất tiền gửi có kỳ hạn thông thường.

Các giấy tờ có giá do Ngân hàng phát hành bao gồm kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi có mệnh giá.

Việc phát hành giấy tờ có giá phải tuân thủ chuẩn mực kế toán số 16” chi phí đi vay” do Bộ trưởng bộ Tài chính ban hành.

Theo chuẩn mực kế toán số 16, các doanh nghiệp trong đó có NHTM phát hành giấy tờ có giá theo 3 phương thức là phát hành giấy tờ có giá ngang giá, phát hành giấy tờ có giá có chiết khấu và phát hành giấy tờ có giá có phụ trội.

Về trả lãi phát hành giấy tờ có giá thường áp dụng 3 hình thức: trả lãi trước, trả lãi sau và trả lãi định kỳ.

#### ***1.4.4. Huy động từ nguồn vốn đi vay***

Vốn đi vay là nguồn vốn được hình thành do Ngân hàng đi vay các tổ chức tín dụng khác hoặc Ngân hàng trung ương (NHTW).

- Vay các tổ chức tín dụng khác: trong quá trình hoạt động, Ngân hàng có thể vay tổ chức tín dụng khác thông qua thị trường tiền tệ liên Ngân hàng. Chi phí của nguồn vốn này thường cao và thời gian sử dụng thường ngắn. Các Ngân hàng cho nhau vay dưới các hình thức: vay qua đêm, vay kỳ hạn, hợp đồng gia hạn.

- Vay NHTW: NHTW cho NHTM vay dưới hình thức chiết khấu giấy tờ có giá. Mục đích cho vay của NHTW với NHTM là: thực thi chính sách tiền tệ, đảm bảo an toàn hệ thống Ngân hàng. Chi phí của nguồn vốn vay này cao hay thấp phụ thuộc chính sách tiền tệ của NHTW. Giả sử khi NHTW muốn tăng mức cung ứng tiền thì NHTW sẽ giảm mức lãi suất chiết khấu từ đó sẽ kích thích các Ngân hàng thương mại vay NHTW nhiều hơn do đó tăng khả năng cấp tín dụng cho nền kinh tế, thúc đẩy kinh tế phát triển và ngược lại.

#### ***1.4.5. Huy động từ các nguồn khác***

Bao gồm vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, vốn để cho vay đồng tài trợ, nhận vốn liên doanh, liên kết...

( Tham khảo từ TS Nguyễn Thị Thanh Hương, Giáo trình kế toán Ngân hàng, học viện Ngân hàng và các website: [www.webketoan.vn](http://www.webketoan.vn), [www.vnecon.vn](http://www.vnecon.vn),...)

## **1.5. Tổng quan về kế toán huy động vốn tại Ngân hàng thương mại**

### **1.5.1. Khái niệm, vai trò của kế toán huy động vốn**

#### **1.5.1.1. Khái niệm kế toán huy động vốn**

Kế toán huy động vốn là công việc ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc về nguồn vốn huy động theo quy định. Từ đó cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác để Ngân hàng sử dụng vốn một cách có hiệu quả nhất.

#### **1.5.1.2. Vai trò của kế toán huy động vốn**

Kế toán huy động vốn giữ một vị trí quan trọng trong toàn bộ nghiệp vụ kế toán của Ngân hàng, nó tham gia vào quá trình sử dụng vốn- hoạt động cơ bản của Ngân hàng.

Kế toán huy động vốn phản ánh chính xác hình thức huy động, tổng hợp số liệu nhằm cung cấp thông tin cho nhà quản trị Ngân hàng. Những thông tin này sẽ là cơ sở cho Ngân hàng xác định chi phí huy động vốn bình quân và đưa ra mức lãi suất cho vay thích hợp. Từ đó góp phần mở rộng quy mô, hiệu quả hoạt động tín dụng của Ngân hàng.

Nguồn vốn huy động của NHTM là nguồn vốn chủ yếu phục vụ cho hoạt động của Ngân hàng. Nguồn vốn này rất đa dạng, phong phú về quy mô, chi phí hoạt động, kỳ hạn. Do vậy, việc theo dõi tình hình biến động trong nghiệp vụ huy động vốn để ghi chép thông tin, cung cấp cho các nhà lãnh đạo ngân hàng đưa ra được những giải pháp phù hợp với từng loại hình nhằm nâng cao hiệu quả huy động vốn cho Ngân hàng.

Ngoài ra kế toán huy động vốn còn cung cấp thông tin cho công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng,... Đây cũng là một trong những nhân tố quan trọng để tạo lòng tin của khách hàng đối với Ngân hàng. Khi khách hàng đã tin tưởng sẽ sử dụng những sản phẩm của Ngân hàng càng nhiều, tạo điều kiện để Ngân hàng tạo thêm nhiều sản phẩm, dịch vụ hơn để phục vụ nhu cầu của khách hàng, nâng cao hiệu quả huy động vốn cũng như hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

### **1.5.2. Nghiệp vụ kế toán huy động vốn từ tài khoản tiền gửi**

#### **1.5.2.1 . Tài khoản sử dụng**

- TK 42: Tiền gửi của khách hàng
- TK 4211, 4221: TK tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ, ngoại tệ

- TK 4212, 4222: TK tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ, ngoại tệ
- TK 4213, 4223: TK tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VNĐ, ngoại tệ
- TK 4231, 4241: TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ, ngoại tệ
- TK 4232, 4242: TK tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ, ngoại tệ
- TK 4238, 4248: TK tiền gửi tiết kiệm khác bằng VNĐ, ngoại tệ

Nội dung kết cấu các tài khoản:

- Bên Có: số tiền khách hàng gửi vào
- Bên Nợ: số tiền khách hàng lấy ra
- Số dư có: Phản ánh số tiền của khách hàng đang gửi tại Ngân hàng.

- Tài khoản 491: Lãi phải trả cho tiền gửi

Tài khoản này dùng để phản ánh số lãi tính dồn tích trên số tiền của khách hàng đang gửi tại Ngân hàng. Số tiền lãi này đã hạch toán vào chi phí trong kỳ nhưng chưa trả cho khách hàng.

Tài khoản 491 có các tài khoản cấp II:

4911: Lãi phải trả cho tiền gửi bằng đồng Việt Nam

4912: Lãi phải trả cho tiền gửi bằng ngoại tệ

4913: Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng đồng Việt Nam

4914: Lãi phải trả cho tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ và vàng

Nội dung kết cấu tài khoản 491:

- Bên Có: Số tiền lãi phải trả tính dồn tích
- Bên Nợ: Số tiền lãi đã trả
- Số dư Có: số tiền lãi dồn tích chưa thanh toán

- Tài khoản 388: Chi phí chờ phân bổ

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí của các kỳ kế toán phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán.

Nội dung kết cấu tài khoản:

Bên Nợ: chi phí trả trước phát sinh trong kỳ

Bên Có: chi phí trả trước được phân bổ vào chi phí trong kỳ

Số dư Nợ: Phản ánh các khoản chi phí trả trước chưa được phân bổ.



- Tài khoản 1011:” Tiền mặt tại quỹ”

Nội dung kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Số tiền ghi vào quỹ nghiệp vụ
- Bên Có: Số tiền chi ra từ quỹ nghiệp vụ

- Tài khoản 801: Trả lãi tiền gửi

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí về hoạt động tín dụng tại các tổ chức tín dụng.

Nội dung kết cấu tài khoản:

- Bên Nợ: Các khoản chi về hoạt động tín dụng.
- Bên Có: + Số tiền thu giảm chi về các hoạt động tín dụng.  
+ Chuyển số dư nợ cuối năm vào tài khoản lợi nhuận năm nay khi quyết toán.

Số dư Nợ: Phản ánh các khoản chi về hoạt động tín dụng trong năm.

#### 1.5.2.2. Chứng từ sử dụng

Chứng từ sử dụng trong công tác kế toán huy động vốn rất đa dạng. Sau đây là một số chứng từ phổ biến:

- Nhóm chứng từ tiền mặt: Giấy nộp tiền, Giấy lĩnh tiền mặt, Séc tiền mặt.
- Nhóm chứng từ thanh toán: Séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Ủy nhiệm chi, Ủy nhiệm thu, thẻ thanh toán.
- Nhóm chứng từ điện tử: Ủy nhiệm chi điện tử, Ủy nhiệm thu điện tử,...
- Các loại kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.
- Các loại sổ tiết kiệm.
- Các loại hợp đồng tín dụng đi vay và nhận vốn.

Các chứng từ này phải đảm bảo tính pháp lý cao, không được sử dụng lẫn lộn các chứng từ. Trên chứng từ phải có đầy đủ chữ ký của khách hàng và Ngân hàng theo chế độ chứng từ của Ngân hàng.

#### 1.5.2.3. Kế toán tiền gửi

a. Kế toán tiền gửi không kỳ hạn ( tiền gửi thanh toán)

➤ Kế toán nhận tiền gửi:

- Kế toán nhận tiền gửi bằng tiền mặt:

Người gửi tiền lập giấy nộp tiền kèm tiền mặt vào Ngân hàng. Căn cứ vào chứng từ thu tiền mặt, sau khi đã kiểm đếm đủ tiền, kế toán sẽ hạch toán:

Nợ TK 1011: TK tiền mặt

Có TK 4211: TK tiền gửi thanh toán / KH

- Kế toán nhận tiền gửi bằng chuyển khoản:

Kế toán căn cứ vào các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để hạch toán như: Bảng kê nộp séc chuyển khoản, Séc bảo chi, Bảng kê thanh toán thư tín dụng, ủy nhiệm thu.

Nợ TK 4211,xx: TK tiền gửi thanh toán của người chi trả ( nếu thanh toán cùng Ngân hàng)

Hoặc TK thanh toán vốn giữa các Ngân hàng (nếu thanh toán khác Ngân hàng)

Có TK 4211,xx: TK tiền gửi thanh toán của người thụ hưởng

➤ Kế toán chi trả tiền gửi:

- Kế toán chi trả bằng tiền mặt: Kế toán kiểm soát tính hợp lệ, hợp pháp của Séc tiền mặt do chủ tài khoản phát hành kiểm soát số dư tài khoản, hạn mức thấu chi ( nếu áp dụng thấu chi tài khoản). rồi tiến hành hạch toán:

Nợ TK 4211,xx: TK tiền gửi thanh toán/ KH

Có TK 1011: TK tiền mặt

- Kế toán chi trả bằng chuyển khoản: Kế toán căn cứ vào các chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để hạch toán như ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản.

Nợ TK 4211,xx : TK tiền gửi thanh toán của người chi trả

Có TK 4211,xx : TK tiền gửi thanh toán của người thụ hưởng  
(nếu thanh toán cùng Ngân hàng)

Hoặc TK thanh toán vốn giữa các Ngân hàng (nếu thanh toán khác Ngân hàng)

Trường hợp chủ tài khoản trích tiền từ tài khoản tiền gửi thanh toán để chuyển đến một Ngân hàng khác thì Ngân hàng thu lệ phí chuyển tiền theo số tiền chuyển:

+ Lệ phí chuyển tiền:

Lệ phí chuyển tiền thu theo tỉ lệ do từng hệ thống NHTM quy định

+ Thuế GTGT:

Là mức thuế suất áp dụng đối với loại hàng hóa dịch vụ chịu thuế GTGT do Bộ Tài chính quy định.

Hạch toán thu phí chuyển tiền:

Nợ TK 4211,xx: TK Tiền gửi thanh toán/ KH

Có TK 4531: TK thuế GTGT phải nộp

Có TK 711: TK thu nhập/ phí chuyển tiền

➤ Kế toán trả lãi tiền gửi thanh toán: Hàng tháng (vào ngày gần cuối tháng) kế toán tính và trả lãi các tài khoản tiền gửi thanh toán. Số lãi này được nhập vào TK của chủ TK.

Phương pháp tính lãi: áp dụng phương pháp tính tích số theo công thức sau:

Số tiền lãi = Tổng tích số tính lãi trong tháng/30 ngày \* Lãi suất tháng

Trong đó:

Tổng tích số tính lãi trong tháng =  $\sum$  [Số dư Có TK \* Số ngày dư Có thực tế ]  
thanh toán trong tháng

Bút toán phản ánh chi trả lãi tiền gửi:

Nợ TK 801: TK chi phí trả lãi tiền gửi

Có TK 4211,xx: TK tiền gửi thanh toán của khách hàng

b. Kế toán tiền gửi có kỳ hạn

Đặc điểm của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là người gửi tiền chỉ được rút tiền khi khoản tiền gửi đã đến hạn trả, trường hợp người gửi tiền đến rút trước hạn thì khoản tiền gửi đó không được hưởng lãi, hoặc áp dụng mức lãi suất thấp do Ngân hàng quy định. Trường hợp đến hạn rút tiền nhưng người gửi tiền không đến rút tiền thì coi như gửi tiếp kỳ hạn mới.

➤ Kế toán nhận tiền gửi

- Căn cứ vào giấy nộp tiền, kế toán nhập dữ liệu vào máy tính. Hạch toán:

Nợ TK 1011/ (4211,xx): TK tiền mặt / TK tiền gửi KKH

Có TK 4212,xx : TK tiền gửi CKH

➤ Kế toán chi trả tiền gửi

Khác với tài khoản tiền gửi không kỳ hạn, khi khách hàng rút tiền từ TK tiền gửi có kỳ hạn phải rút trọn số tiền của kỳ hạn.

Nợ TK 4212,xx: TK tiền gửi CKH

Có TK 1011/4211: TK tiền mặt / TK tiền gửi KKH

➤ Kế toán trả lãi tiền gửi có kỳ hạn

Ngân hàng trả lãi cho khách hàng theo định kỳ hoặc cùng gốc khi đáo hạn.

Việc tính lãi theo từng món và sử dụng phương pháp hạch toán cộng dồn.

Tiền lãi = Số tiền gửi vào \* Thời gian gửi \* Lãi suất tiền gửi

- Nếu khách hàng nhận lãi trước thì kế toán chi lãi cho khách hàng ngay khi nhận tiền.

Nợ TK 388: số lãi trả trước

Có TK 1011,xx: số lãi trả trước

Hàng tháng tiến hành phân bổ lãi:

Nợ TK 801: lãi phân bổ hàng tháng

Có TK 388: lãi phân bổ hàng tháng

- Nếu định kỳ khách hàng đến lĩnh lãi thì kế toán lập phiếu chi, ghi:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

- Nếu trả lãi cùng gốc khi đáo hạn thì hàng tháng kế toán tính và hạch toán lãi cộng dồn dự trả:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 4911: TK lãi phải trả tiền gửi

+ Nếu khách hàng rút tiền đúng hạn:

Nợ TK 4911: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

+ Nếu khách hàng rút tiền trước hạn:

• Tính và chi trả số lãi thực khách hàng được hưởng:

Nợ TK 491: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

• Thoái chi số lãi đã tính dồn dự trả:

Nợ TK 4911: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

+ Nếu đến ngày đáo hạn khách hàng không đến rút tiền thì Ngân hàng sẽ mở tiếp kỳ hạn mới cho số tiền thực gửi.

### 1.5.2.4. Kế toán tiền gửi tiết kiệm

#### a. Đặc điểm quy trình kế toán tiền gửi tiết kiệm

Về thủ tục mở TK tiền gửi tiết kiệm: Căn cứ để mở TK tiền gửi tiết kiệm là chứng minh nhân dân của người gửi tiền. Đối với người nước ngoài đang sinh sống và hoạt động hợp pháp ở Việt Nam thì phải có hộ chiếu và có thời hạn hiệu lực còn lại dài hơn kỳ hạn gửi tiền. Sau khi kiểm soát các giấy tờ tùy thân, cơ sở nhận tiền gửi tiết kiệm sẽ mở cho người gửi tiền một TK tiết kiệm phù hợp.

- Chứng từ sử dụng: Ngoài giấy nộp tiền và lĩnh tiền còn sử dụng các loại chứng từ chuyên dụng:

+ Thẻ tiết kiệm: là chứng chỉ xác nhận quyền sở hữu của chủ sở hữu tiền gửi tiết kiệm hoặc đồng sở hữu tiền gửi tiết kiệm về khoản tiền đã gửi tại tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm.

Thẻ tiết kiệm có thể có nhiều trang dùng cho loại tiết kiệm không kỳ hạn (gửi vào và rút ra nhiều lần) và có thể chỉ có 1 trang dùng cho loại tiết kiệm có kỳ hạn (gửi vào và rút ra 1 lần duy nhất).

+ Phiếu lưu: là hình thức sổ tờ rơi được lập ra theo thẻ tiết kiệm để lưu lại tổ chức nhận tiền gửi tiết kiệm với mục đích theo dõi tình hình giao dịch tiết kiệm của người gửi tiết kiệm.

#### b. Quy trình kế toán tiền gửi tiết kiệm

##### ➤ Kế toán nhận tiền gửi tiết kiệm

Khi khách hàng gửi tiền, kế toán hướng dẫn khách hàng viết giấy gửi tiền và làm thủ tục làm thẻ tiết kiệm và phiếu lưu. Kế toán ghi:

Nợ TK 1011: TK tiền mặt

Có TK 4231, 4232: TK tiền gửi tiết kiệm KKH/ CKH

##### ➤ Kế toán chi trả tiền gửi tiết kiệm

##### • Chi trả bằng tiền mặt

Khi rút tiền khách hàng sẽ nộp vào Ngân hàng giấy lĩnh tiền mặt kèm thẻ tiết kiệm. Sau khi đối chiếu chứng từ và qua kiểm soát, kế toán ghi:

Nợ TK 4231/ 4232: TK tiền gửi tiết kiệm KKH/ CKH

Có TK 1011: TK tiền mặt

- Chi trả bằng chuyển khoản

Nợ TK 4231/4232: TK tiền gửi tiết kiệm

Có TK 42: TK tiền gửi khác của người gửi tiết kiệm

➤ Kế toán trả lãi tiền gửi tiết kiệm

- Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn:

Lãi được tính theo phương pháp tổng tích số hàng tháng, công thức tính lãi giống như công thức tính lãi của tiền gửi thanh toán.

Nếu định kỳ khách hàng không đến lĩnh lãi, kế toán tiến hành nhập lãi vào gốc cho khách hàng theo bút toán:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 4231/4232: TK tiền gửi tiết kiệm KKH/CKH

Nếu định kỳ khách hàng đến lĩnh lãi thì kế toán lập phiếu chi, ghi:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

- Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: tương tự hạch toán lãi phải trả của tiền gửi có kỳ hạn.

- Nếu khách hàng nhận lãi trước thì kế toán chi lãi cho khách hàng ngay khi nhận tiền.

Nợ TK 388: số lãi trả trước

Có TK 1011,xx: số lãi trả trước

Hàng tháng tiến hành phân bổ lãi:

Nợ TK 801: lãi phân bổ hàng tháng

Có TK 388: lãi phân bổ hàng tháng

- Nếu định kỳ khách hàng đến lĩnh lãi thì kế toán lập phiếu chi, ghi:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

- Nếu trả lãi cùng gốc khi đáo hạn thì hàng tháng kế toán tính và hạch toán lãi cộng dồn dự trả:

Nợ TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

Có TK 4913: TK lãi phải trả tiền gửi

Nếu khách hàng rút tiền đúng hạn:

Nợ TK 4913: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

+ Nếu khách hàng rút tiền trước hạn:

• Tính và chi trả số lãi thực khách hàng được hưởng:

Nợ TK 4913: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 1011: TK tiền mặt

• Thoái chi số lãi đã tính dồn dự trả:

Nợ TK 4913: TK lãi phải trả tiền gửi

Có TK 801: TK chi trả lãi tiền gửi

+ Nếu đến ngày đáo hạn khách hàng không đến rút tiền thì Ngân hàng sẽ mở tiếp kỳ hạn mới cho số tiền thực gửi.

(Tham khảo từ TS Nguyễn Thị Thanh Hương, Giáo trình kế toán Ngân hàng, Học viện Ngân hàng).

Trên đây là một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán huy động vốn tại NHTM nói chung, kế toán huy động tiền gửi nói riêng được đưa ra làm cơ sở phân tích, đối chiếu, đánh giá với thực trạng kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh nhằm rút ra các ưu nhược điểm và đề xuất các giải pháp hoàn thiện.

## **CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH HÀ TĨNH**

### **2.1. Tổng quan về Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín**

#### **2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển**

Chính thức thành lập và đi vào hoạt động vào ngày 21/12/1991, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank) là một trong những Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) đầu tiên được thành lập tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM) từ việc hợp nhất Ngân hàng Phát triển Kinh tế Gò Vấp cùng hợp tác xã tín dụng là Tân Bình, Thành Công và Lữ Gia. Trải qua 22 năm hoạt động và phát triển đến nay Sacombank đã trở thành một trong những NH TMCP lớn mạnh về quy mô, nguồn lực, tài chính và có mạng lưới phát triển rộng lớn, vươn ra thế giới. Với rất nhiều lợi thế tiên phong, Sacombank đã nắm bắt được rất nhiều cơ hội và phát triển.

#### **❖ Các lợi thế tiên phong:**

- Là Ngân hàng đầu tiên phát hành cổ phiếu đại chúng với mệnh giá 200.000 đồng/cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 71 tỷ đồng với gần 9.000 cổ đông tham gia góp vốn. Niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với tổng số vốn niêm yết là 1.900 tỷ đồng (2006).

- Tiên phong thành lập tổ tín dụng ngoài địa bàn (nơi chưa có Sacombank trú đóng) để đưa vốn về nông thôn, góp phần cải thiện đời sống của các hộ nông dân và hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi trong nền kinh tế.

- Là Ngân hàng đầu tiên mở rộng mạng lưới hoạt động ra nước ngoài: Lào, Campuchia, và một căn phòng đại diện ở Trung Quốc.

- Tiên phong khai thác mô hình đặc thù như 8/3, Chi nhánh Hoa Việt, Sacombank thật sự đã tạo ra được những nét riêng, những dấu ấn khác biệt để phục vụ khách hàng.

- Ngân hàng đầu tiên kết hợp cùng công ty trực thuộc (Kiều hồi Sacombank

-SBR, cho thuê tài chính Sacombank-SBL, Chứng khoán Sacombank-SBS) và công ty liên kết hình thành mô hình Tập đoàn, phát triển các giải pháp tài chính trọn gói và chi phí hợp lý, tạo ra giá trị gia tăng cho khách hàng, nâng cao sức mạnh cho công ty.



### ***2.1.2. Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín Chi nhánh Hà Tĩnh***

Ngày 27/06/2012 NH TMCP Sài Gòn Thương Tín chính thức khai trương hoạt động Chi nhánh (CN) Hà Tĩnh tại 37 – 39 đường Đặng Dung – khối phố 7, Phường Nam Hà, TP Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

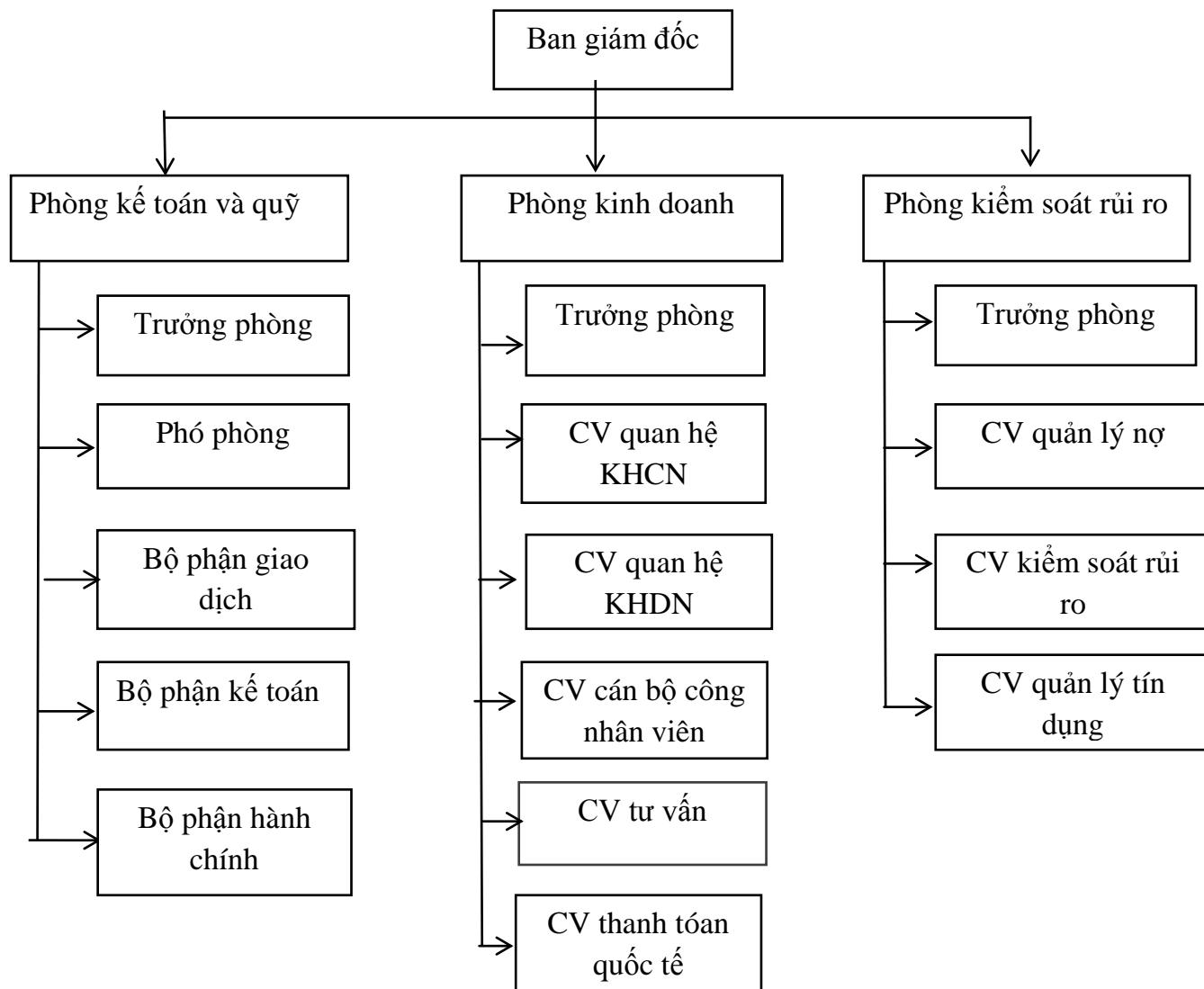
Từ năm 2003, Sacombank đã sớm có mặt tại khắp các tỉnh thành thuộc khu vực khu vực Bắc Trung Bộ từ Quảng Ngãi đến Nghệ An. Nhận thức được những tiềm lực về tài chính cũng như những ưu điểm của tỉnh Hà Tĩnh, Sacombank quyết định thành lập Chi nhánh tại đây nhằm tiếp cận và nắm bắt nhiều hơn nhu cầu tài chính thiết thực của các doanh nghiệp và các cá nhân, từ đó đưa ra các sản phẩm dịch vụ chuyên nghiệp nhất nhằm tối đa hóa các giá trị lợi ích dành cho khách hàng. Việc đáp ứng tốt nhất những nhu cầu tài chính trọn gói của khách hàng luôn là trách nhiệm và tôn chỉ hành động của Sacombank nói chung và từng Chi nhánh nói riêng.

Sacombank Hà Tĩnh cung cấp các dịch vụ: Nhận tiền gửi bằng tiền đồng, đô-la Mỹ với lãi suất hấp dẫn; Tài trợ vốn vay cho khách hàng doanh nghiệp và cá nhân với thủ tục nhanh gọn, lãi suất hợp lý, tiến độ giải ngân kịp thời nhằm phục vụ tốt nhất nhu cầu kinh doanh và tiêu dùng của khách hàng; thực hiện dịch vụ chuyển tiền nhanh với thời gian ngắn nhất, phí chuyên hợp lý nhất. Thực hiện các dịch vụ: thanh toán quốc tế, bảo lãnh, bao thanh toán, thu chi trả lương hộ, dịch vụ thẻ ATM, kinh doanh và thu đổi ngoại tệ – vàng, chi trả kiều hối và các dịch vụ tư vấn tài chính.

Việc ra đời Chi nhánh Sacombank Hà Tĩnh nhằm tăng cường sức cạnh tranh, quảng bá sản phẩm, nâng cao hình ảnh tại khu vực miền trung. Bên cạnh đó giúp cho các cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, Ngân hàng nhiều tiện ích.

#### ***2.1.2.1. Tổ chức bộ máy quản lý***

Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh có cơ cấu tổ chức với 3 phòng ban: Phòng kế toán và quỹ, Phòng kinh doanh và Phòng kiểm soát rủi ro, dưới sự điều hành của Ban giám đốc gồm một Giám đốc và một Phó giám đốc.



### Sơ đồ 2.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh

#### ❖ Nhiệm vụ và chức năng của từng bộ phận

➤ Giám đốc Chi nhánh: Giám đốc Chi nhánh có trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc được phân công phụ trách và chịu trách nhiệm trước Giám đốc khu vực, Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị. Giám đốc Chi nhánh khi thực hiện chế độ phân quyền, ủy quyền cho cán bộ trực thuộc phải có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, đánh giá kiểm tra, giám sát các nội dung đã được phân quyền.

➤ Phó giám đốc Chi nhánh: có chức năng giúp giám đốc điều hành hoạt động của Chi nhánh theo sự ủy quyền của Giám đốc.

➤ Bộ phận kế toán: Hướng dẫn kiểm tra công tác hạch toán kế toán tại chi nhánh và đơn vị trực thuộc, thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và kiểm soát của CN đối với các đơn vị nội bộ và các NH khác. Thu chi xuất nhập tiền mặt, tài sản quý, chứng từ có giá; kiểm đếm phân loại, đóng bó tiền theo quy định; bảo quản, bốc xếp tiền mặt, tài sản quý, giấy tờ có giá.

➤ Bộ phận giao dịch: Thực hiện các nghiệp vụ cho vay và huy động tiền gửi, cung cấp các sản phẩm dịch vụ phù hợp theo quy định của Ngân hàng; tổ chức hạch toán kế toán và bảo quản an toàn kho quỹ. Thực hiện công tác tiếp thị thị phần, bảo vệ thương hiệu, nghiên cứu đề xuất các nghiệp vụ theo yêu cầu của địa bàn. Đồng thời tham gia công tác quản lý hành chính, quản lý nhân sự tại đơn vị.

➤ Bộ phận hành chính: Tiếp nhận, phân phối phát hành và lưu trữ văn thư; đảm nhận công tác lễ tân hậu cần của Chi nhánh. Thực hiện mua sắm, tiếp nhận, quản lý, phân phối tất cả các loại tài sản, vật phẩm liên quan đến hoạt động của CN; chịu trách nhiệm tổ chức, theo dõi, kiểm tra công tác áp tải tiền, bảo vệ an ninh, phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an toàn cơ sở vật chất cho CN. Ngoài ra còn có chức năng quản lý công tác nhân sự như tuyển dụng, kiểm tra tính tuân thủ nội quy, quy chế, quy định liên quan đến nhân sự trong CN. Giám sát hệ thống bảo dưỡng trang thiết bị; hỗ trợ sử dụng và khai thác tài nguyên công nghệ thông tin tại CN và các đơn vị trực thuộc.

➤ Phòng kinh doanh: Là bộ phận làm việc trực tiếp với khách hàng.

- Tiếp thị: Có chức năng quản lý, thực hiện chỉ tiêu bán hàng theo các sản phẩm dịch vụ; tiếp thị và quản lý khách hàng; chăm sóc khách hàng doanh nghiệp/cá nhân như thu thập, tiếp nhận, xử lý và phản hồi thông tin về các ý kiến đóng góp, khiếu nại, thắc mắc của KH. Đồng thời thực hiện thủ tục khi KH sử dụng sản phẩm dịch vụ và hướng dẫn KH đến quầy giao dịch liên quan, đôn đốc KH trả vốn lãi đúng thời hạn...

- Thẩm định các hồ sơ cấp tín dụng (trừ hồ sơ cấp tín dụng mang tính chất dự án theo quy định của Ngân hàng) thông báo quyết định cấp tín dụng hoặc không cấp tín dụng cho bộ phận tiếp thị doanh nghiệp, chịu trách nhiệm chính trong việc kiểm tra sử dụng vốn định kỳ và đột xuất sau khi vay...

➤ Phòng hỗ trợ - Kiểm soát rủi ro: có chức năng quản lý tín dụng như hỗ trợ tín dụng, kiểm soát tín dụng, quản lý nợ; hỗ trợ các phòng ban khác trong soạn thảo hồ sơ, hợp đồng; kiểm soát các sai phạm, đảm bảo các nghiệp vụ thực hiện đúng theo quy định.

2.1.2.2. Tình hình lao động của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh giai đoạn 2012 – 2014

Nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng, quyết định hiệu quả kinh doanh, đồng thời cũng là động lực chủ yếu của sự phát triển nhanh và bền vững của doanh nghiệp. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh luôn quan tâm tới việc tuyển dụng đầu vào đảm bảo chất lượng, đào tạo nghiệp vụ nâng cao trình độ năng lực cho cán bộ nhân viên, và đặc biệt tập trung định hình tính cách văn hóa, xây dựng văn hóa Sacombank mang tính đoàn kết, hợp tác lâu dài và ổn định.

Môi trường làm việc nghiêm túc, chuyên nghiệp, luôn tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến. Thông qua đội ngũ nhân viên để xây dựng hình ảnh của Sacombank, một thương hiệu Ngân hàng bán lẻ uy tín, phục vụ khách hàng tận tâm là mục tiêu của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh.

**Bảng 2.1: Nguồn nhân lực Sacombank - Chi nhánh Hà Tĩnh**

*Đơn vị tính: Người*

Chỉ tiêu		Năm			2013/2012		2014/2013	
		2012	2013	2014	+/-	%	+/-	%
<b>1.Phân theo giới tính</b>								
Nam	SL	13	14	17	1	7,69	3	21,42
	%	43,33	41,18	36,96				
Nữ	SL	17	20	29	20	58,82	29	63,04
	%	56,67	58,82	63,04				
<b>2.Phân theo trình độ</b>								
Đại học và trên đại học	SL	23	24	33	1	4,34	9	37,5
	%	76,67	70,59	71,74				
Cao đẳng, Trung cấp	SL	5	6	9	1	20	3	50
	%	16,67	17,65	19,57				
THPT	SL	2	4	4	2	100	0	0
	%	6,66	11,76	8,69				
<b>Tổng số lao động</b>		<b>30</b>	<b>34</b>	<b>46</b>	<b>4</b>	<b>13,33</b>	<b>12</b>	<b>35,29</b>

Qua bảng 2.1 ta thấy tổng số lao động của Chi nhánh có xu hướng tăng qua các năm. Vào năm 2012, đội ngũ lao động có 30 người, sang năm 2013 lao động của Chi nhánh là 34 người, tăng lên 4 người tương ứng với 13,33%. Năm 2014, tổng số lao động là 46 người, tăng so với năm 2013 là 12 người tương ứng với 35,29%. Nguyên nhân là qua các năm hoạt động của Chi nhánh ngày càng được mở rộng, số lượng giao dịch ngày càng nhiều đòi hỏi Chi nhánh cần phải tuyển thêm lao động để có thể hoàn thành tốt công việc, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, đáp ứng nhu cầu kinh doanh.

Xét về giới tính, qua bảng 2.1 ta thấy số lao động nữ luôn chiếm ưu thế so với lao động nam. Vào năm 2012, lao động nữ chiếm 56,67% tổng số lao động, năm 2013 chiếm 58,82%, năm 2014 chiếm 63,04%. Nguyên nhân sự chênh lệch này là do đặc thù ngành Ngân hàng cần số lượng nhân viên nữ nhiều để thường xuyên giao dịch trực tiếp, chăm sóc khách hàng. Lao động nữ của Chi nhánh tập trung chủ yếu ở phòng Kế toán và quỹ còn lao động nam chủ yếu tập trung ở phòng kinh doanh.

Xét về trình độ học vấn, tỉ lệ lao động có trình độ Đại học và trên Đại học chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu lao động. Năm 2012, số lượng nhân viên trình độ đại học và trên đại học là 23 người, chiếm 76,67%, năm 2013 là 24 người, chiếm 70,59%, năm 2014 có 33 người, chiếm 71,74%. Điều này phản ánh phần nào chất lượng lao động của Ngân hàng đã đáp ứng yêu cầu về trình độ phù hợp với công việc trong một môi trường áp lực, năng động và đòi hỏi tính chuyên nghiệp.

Nhìn chung ở một Chi nhánh mới thành lập, đội ngũ nhân viên ban đầu đã đáp ứng được tình hình kinh doanh hiện tại ở Chi nhánh, tuy nhiên để mở rộng phạm vi hoạt động và mở thêm phòng giao dịch mới thì Chi nhánh cũng đang có kế hoạch tuyển dụng thêm nhân viên để đáp ứng nhu cầu về số lượng và chất lượng dịch vụ.

*2.1.2.3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh qua 3 năm 2012-2014*

**Bảng 2.2. Kết quả kinh doanh của Chi nhánh qua 3 năm 2012 - 2014**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	Năm			So sánh			
	2012	2013	2014	2013/2012		2014/2013	
				+/-	%	+/-	%
<b>Thu nhập</b>	<b>7.506</b>	<b>14.878</b>	<b>38.741</b>	<b>7.341</b>	<b>99</b>	<b>23.754</b>	<b>161</b>
Thu lãi cho vay	3.955	9.406	22.670	5.451	137,8	13.264	141
Thu lãi tiền gửi	2.457	3.529	12.125	1.072	43,6	8.596	243,6
Thu dịch vụ	935	1.243	2.529	308	32,9	1.286	103,5
Thu Kinh doanh ngoại hối	94	125	234	29	30,9	109	87,2
Thu khác	65	575	1.183	510	784,6	608	105,7
<b>Chi phí</b>	<b>9.480</b>	<b>17.592</b>	<b>36.487</b>	<b>8.090</b>	<b>86</b>	<b>18.812</b>	<b>108</b>
Chi trả lãi tiền gửi	2.968	8.033	16.365	5.165	174	8.232	101
Chi trả lãi vay	2.762	3.024	9.752	1.262	71,6	6.728	222,5
Chi dịch vụ	144	301	514	157	109	213	70,8
Chi Kinh doanh ngoại hối	90	112	195	22	24,4	83	74,1
Chi khác	4.516	6.122	9.661	1.606	35,6	3.539	57,8
<b>Lợi nhuận</b>	<b>-1.974</b>	<b>-2.714</b>	<b>2.254</b>	<b>-740</b>	<b>-37,5</b>	<b>4.968</b>	<b>181</b>

*(Nguồn: Bộ phận Kế toán – Ngân quỹ Sacombank Hà Tĩnh)*

Các NHTM đều hoạt động vì mục tiêu lợi nhuận, dưới áp lực phải hạ thấp chi phí trong điều kiện cạnh tranh với các định chế tài chính khác. Hiệu quả hoạt động được xem xét trên quan điểm biến đổi đầu vào thành đầu ra.

Mới đi vào hoạt động năm 2012, Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh đã thu được những thành quả đáng khích lệ trong hoạt động kinh doanh, tạo dựng được vị thế quan trọng trong hệ thống.

Qua bảng 2.2, ta nhận thấy hoạt động kinh doanh của Chi nhánh liên tục có những bước cải thiện, Năm 2012, Chi nhánh mới được thành lập các khoản chi phí mới phát sinh còn nhiều nên lợi nhuận của Chi nhánh là âm. Song bước sang năm 2013, tổng thu nhập của Chi nhánh là 14.753 triệu đồng, tăng 99% so với năm 2012. Trong năm 2014, tổng thu nhập của Chi nhánh là 38.507 triệu đồng, tăng 23.754 triệu đồng so với năm 2012 tương ứng tăng 161%.

Trong tổng nguồn thu nhập của Chi nhánh, nguồn thu từ hoạt động tín dụng chiếm chủ yếu, từ 85% - 90% tổng thu nhập và tăng qua các năm cả về số tương đối và tuyệt đối. Nhận thức được điều đó, Chi nhánh đã đẩy mạnh hoạt động tín dụng, không ngừng tìm kiếm thêm khách hàng mới, tri ân khách hàng truyền thống. Chi nhánh mới được thành lập vào năm 2012, lúc này sự tín nhiệm của doanh nghiệp và khách hàng trên địa bàn chưa được củng cố nên thu nhập từ hoạt động cho vay còn ít. Sang năm 2013, CN bước đầu tạo được niềm tin trong lòng các khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp nên thu nhập các khoản vay bắt đầu tăng. Đặc biệt trong năm 2014, với sự biến động thất thường của lãi suất, để có thể làm tốt công tác tín dụng, bên cạnh mối quan hệ với khách hàng cũ, Chi nhánh còn phải đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ đặc biệt đối với tín dụng cá nhân như: cho vay mua bất động sản, vay mua ô tô, vay tiêu dùng, vay kinh doanh, vay du học,... Từ đó làm tăng thu nhập cho CN trong năm 2014. Nguồn thu từ kinh doanh dịch vụ đặc biệt là thu từ hoạt động thanh toán tuy chiếm tỷ lệ nhỏ trong tổng nguồn vốn nhưng góp phần làm tăng thu nhập, đa dạng các hoạt động của Ngân hàng, tăng phần tiện ích trong hoạt động giao dịch giữa khách hàng và Ngân hàng. Năm 2014, thu nhập từ kinh doanh dịch vụ là 2.529 triệu đồng tăng 1286 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 103,5%. Nguyên nhân là Ngân hàng chú trọng hơn đến các hoạt động thanh toán, bảo lãnh, phát triển các loại dịch vụ như: thẻ thanh toán quốc tế,

dịch vụ chuyển tiền nhanh, Internet banking, Mobile banking,... Mặc dù thu từ kinh doanh ngoại hối và các hoạt động khác của Chi nhánh tăng dần qua 3 năm nhưng chiếm tỷ lệ không đáng kể trong tổng nguồn thu nhập.

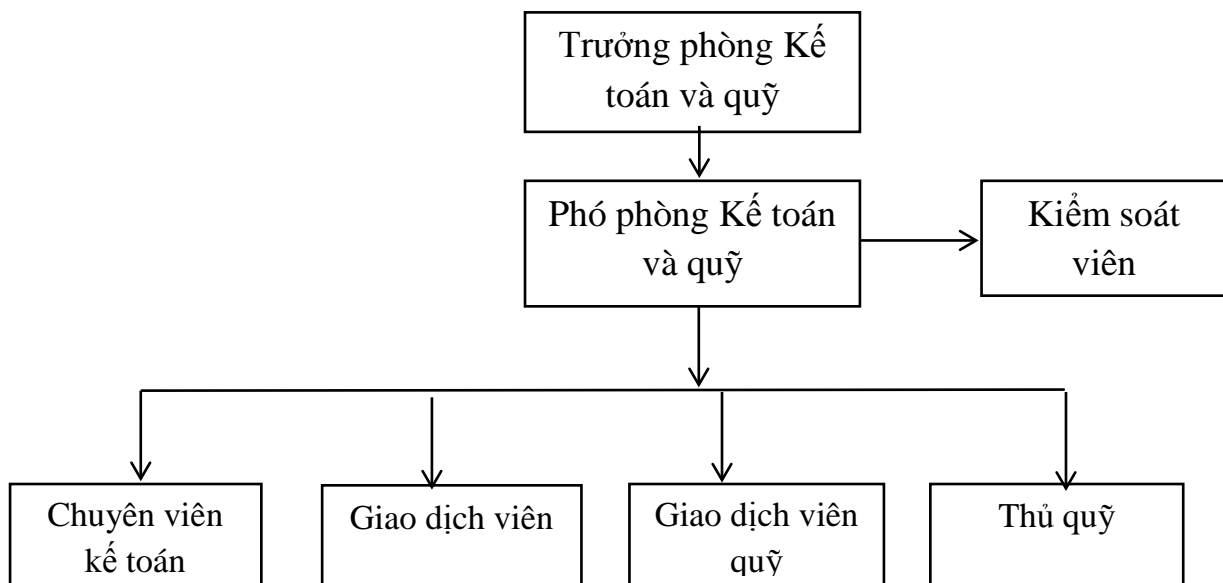
Nguồn chi phí của Chi nhánh cũng tăng qua ba năm. Trong đó các khoản chi phí trả lãi tiền gửi, trả lãi vay và các khoản chi khác chiếm chủ yếu. Nguồn chi khác chiếm đáng kể là chi phí đào tạo nhân viên, nâng cao chất lượng chuyên môn nghiệp vụ, mua sắm các trang thiết bị trong thời gian đầu Chi nhánh mới được thành lập. Chi phí dịch vụ và kinh doanh ngoại hối chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ. Trong năm 2013, các khoản chi của Chi nhánh là 17.480 triệu đồng, tăng 8090 triệu đồng so với năm 2012, tương ứng với tăng 86%. Sang năm 2014, giá trị các khoản chi là 36.292 triệu đồng, tăng 18.812 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 108%.

Nguồn chi phí tăng làm giảm lợi nhuận của Chi nhánh. Trong 2 năm 2012 và 2013, Chi nhánh đạt lợi nhuận âm do CN mới thành lập, chi phí phát sinh ban đầu đang nhiều, chưa có giá trị thu hồi. Hơn nữa trong thời gian này, CN bước đầu tổ chức các chương trình khuyến mãi nhằm giới thiệu và thu hút KH nên khoản chi trả lãi tiền gửi tăng. Sang năm 2014, mặc dù chi phí vẫn tiếp tục tăng mạnh nhưng do tốc độ tăng của thu nhập nhanh hơn tốc độ tăng của chi phí nên CN vẫn đạt lợi nhuận là 2.215 triệu đồng. Đây là tín hiệu tốt báo hiệu bước khởi đầu thành công cho hoạt động của Chi nhánh, dần khẳng định vị thế của NH trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

### ***2.1.3. Tổ chức công tác kế toán tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh***

Bộ máy kế toán của Chi nhánh được tổ chức tương đối chặt chẽ với các chức danh khác nhau, mỗi vị trí đảm nhiệm mỗi chức năng, nhiệm vụ cụ thể.





**Sơ đồ 2.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán**

- Trưởng phòng Kế toán và quỹ
  - Xây dựng, triển khai, giám sát kế hoạch hoạt động của Phòng và các công tác báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ hoặc đột xuất.
  - Tổ chức giám sát các hoạt động về xử lý giao dịch và về ngân quỹ.
  - Tổ chức các hoạt động về kế toán, quản lý kế hoạch tài chính trong toàn CN.
  - Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.
  - Quản lý việc thực hiện các thủ tục liên quan đến nhân sự đúng quy định của Sacombank và quy định của pháp luật: luân chuyển nhân sự, chấm dứt hợp đồng lao động, tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp, đăng ký lao động,....
  - Tổ chức việc hỗ trợ sử dụng và khai thác tài nguyên công nghệ thông tin tại Chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.
- Phó phòng Kế toán và quỹ
  - Tham gia công tác tổ chức, quản lý nhân sự của Phòng thuộc chức năng đảm trách.
  - Thực hiện việc triển khai và kiểm soát các tác nghiệp của nhân viên trong quá trình xử lý giao dịch đảm bảo tuân thủ việc hạch toán kế toán, các chế độ chứng từ kế toán.

- Tham gia tổ chức, thực hiện một số hoạt động liên quan công tác ngân quỹ.
- Thực hiện một số hoạt động về công tác kế toán, quản lý kế hoạch tài chính trong toàn Chi nhánh/Sở giao dịch và các đơn vị trực thuộc.
- Tổ chức thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ tài liệu phát sinh theo quy định Ngân hàng.
- Thực hiện công tác báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu nghiệp vụ và thực hiện một số chức năng khác.
  - Kiểm soát viên
    - Triển khai, giám sát và kiểm soát xử lý giao dịch nghiệp vụ tại quầy.
    - Triển khai, giám sát các giao dịch thu chi tiền mặt.
    - Tổ chức thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ tài liệu phát sinh theo quy định Ngân hàng.
    - Thực hiện công tác báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu nghiệp vụ.
    - Hướng dẫn, hỗ trợ về mặt nghiệp vụ đối với nhân viên và thực hiện một số chức năng khác.
  - Chuyên viên kế toán
    - Thực hiện các nghiệp vụ về kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp, các báo cáo thống kê kế toán liên quan.
    - Thực hiện tổng hợp kế hoạch kinh doanh, tài chính định kỳ của toàn Chi nhánh; tham mưu cho Cấp quản lý trong công tác xây dựng, phân bổ, kế hoạch cho các đơn vị trực thuộc/ Phòng/ Bộ phận nghiệp vụ.
    - Thực hiện các báo cáo kế hoạch theo yêu cầu định kỳ, đột xuất.
    - Thực hiện công tác hậu kiểm chứng từ kế toán, đề xuất/ thực hiện nghiệp vụ xử lý các trường hợp sai sót đảm bảo tuân thủ chế độ quy định trong toàn chi nhánh và các đơn vị trực thuộc.
  - Giao dịch viên
    - Thực hiện xử lý giao dịch tại quầy.
    - Thực hiện công tác thu chi tiền mặt trong nội bộ và với khách hàng nhằm đảm bảo kịp thời, chính xác, an toàn và tuân thủ quy định.

- Tuân thủ công tác cất giữ tiền mặt giao dịch tại quầy, đảm bảo an toàn theo quy định Ngân hàng.

- Tiếp nhận và xử lý hồ sơ thanh toán quốc tế theo mô hình hiện hành.

- Thực hiện công tác luân chuyển hồ sơ chứng từ theo quy định Ngân hàng.

- Thực hiện một số chức năng khác.

- Giao dịch viên quỹ

- Kiểm tra chứng từ đầy đủ, hợp lệ, tuân thủ các quy trình, quy định nghiệp vụ Ngân hàng trong quá trình thực hiện nghiệp vụ ngân quỹ theo phân công ủy quyền cụ thể của Cấp thẩm quyền

- Thực hiện kiểm đếm, thu/chi với khách hàng tiền mặt, vàng, ngoại tệ, tài sản quý, giấy tờ có giá,...

- Thực hiện nghiệp vụ kiểm đếm, phân loại, đóng bó tiền, niêm phong...; thực hiện công tác chọn lựa tiền thay máy ATM kịp thời, chính xác, đảm bảo phân loại tiền đúng tiêu chuẩn sử dụng tại máy ATM theo quy định Ngân hàng.

- Tuân thủ chế độ kiểm kê định kỳ/ đột xuất các nghiệp vụ liên quan công tác ngân quỹ nhằm đảm bảo sự tuân thủ quy định.

- Tuân thủ chế độ ra vào kho tiền, quầy giao dịch tiền mặt theo nội quy, quy định của NH; thực hiện các công tác nhằm bảo đảm tuyệt đối an toàn kho quỹ.

- Thủ quỹ

- Kiểm đếm, phân loại, đóng bó tiền, sắp xếp trong kho theo quy định.

- Bốc xếp, vận chuyển tiền mặt, ngoại tệ, tài sản quý và giấy tờ có giá.

- Điều chuyển vốn tiền mặt giữa Phòng giao dịch và các đơn vị theo lệnh điều chuyển vốn tiền mặt đúng quy định.

- Bảo quản tiền mặt, ngoại tệ, tài sản quý và giấy tờ có giá trong kho quỹ theo quy định.

- Tham mưu cho cấp quản lý trực tiếp trong việc cử/ điều phối nhân sự chuyên trách công tác quỹ đảm bảo năng lực nghiệp vụ nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Kịp thời phản ánh, báo cáo Cấp quản lý các vấn đề bất cập trong quá trình xử lý nghiệp vụ nhằm góp phần hoàn thiện quy trình, tinh gọn, hiệu quả và đảm bảo an toàn.

- Thực hiện một số chức năng khác.

### 2.1.4. Phân tích tình hình huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh

Đối với NHTM, nguồn vốn huy động tại địa phương là nguồn vốn quan trọng nhất và luôn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất trong tổng nguồn vốn. Việc các NHTM đảm bảo huy động đủ nguồn vốn cho công tác sử dụng vốn vừa đảm bảo thu hút được nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, vừa đảm bảo cho hoạt động của NHTM được ổn định và đạt được hiệu quả cao. Không giống các loại hình doanh nghiệp khác trong nền kinh tế hoạt động của NHTM chủ yếu dựa vào nguồn vốn huy động. Do đó, Ngân hàng cần tạo cho được nguồn vốn ổn định, phù hợp với yêu cầu về vốn.

Hiểu rõ vai trò của huy động vốn, Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh luôn coi trọng chiến lược khách hàng trong huy động vốn và cố gắng khai thác triệt để các nguồn vốn trong địa bàn như: tổ chức mạng lưới tiết kiệm rộng khắp với các hình thức huy động phong phú, đa dạng, đưa ra nhiều kỳ hạn gửi, linh hoạt lãi suất, đồng thời đưa ra các chương trình khuyến mãi hấp dẫn, dự thưởng lớn,...

Trong ba năm qua, nguồn vốn huy động của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh liên tục tăng lên. Điều này chứng tỏ Chi nhánh đã nhận được sự quan tâm, tin tưởng của khách hàng, lựa chọn là nơi gửi tiền an toàn. Đồng thời khẳng định vị trí của Chi nhánh so với các Ngân hàng khác trên địa bàn. Năm 2013, nguồn vốn huy động được của Chi nhánh là 148.955 triệu đồng, cao hơn so với năm 2012 là 35.072 triệu đồng, tương ứng 30,8%. Sang năm 2014, nguồn vốn huy động là 195.239 triệu đồng, tăng so với năm 2013 là 46.284 triệu đồng, tương ứng 31,1%.

#### 2.1.4.1. Phân tích tình hình huy động vốn theo loại tiền

**Bảng 2.3. Tình hình huy động vốn theo loại tiền năm 2012 – 2014**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh			
				2013/2012		2014/2013	
				SL	%	SL	%
Nội tệ	112.859	146.186	191.980	33.327	29,5	45.794	31,3
Ngoại tệ	1.024	2.769	3.384	1.745	170,4	615	22,2
<b>Tổng</b>	<b>113.883</b>	<b>148.955</b>	<b>195.239</b>	<b>35.072</b>	<b>30,8</b>	<b>46.284</b>	<b>31,1</b>

Hoạt động huy động vốn của Ngân hàng chủ yếu thực hiện giao dịch đối với các loại tiền VND, USD. EUR. Huy động nguồn tiền ngoại tệ và nội tệ đều tăng trưởng qua 3 năm, trong đó nội tệ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng nguồn vốn huy động. Đối với ngoại tệ, Ngân hàng huy động chủ yếu là đồng USD chiếm khoảng 90-95%.

Năm 2013, nguồn vốn huy động được từ nội tệ của Ngân hàng là 146.186 triệu đồng, tăng 33.327 triệu đồng so với năm 2012, tương ứng tăng 29,5%. Năm 2014, giá trị này tăng lên 45.794 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 31,3%. Điều này cho thấy hoạt động huy động vốn của Ngân hàng có hiệu quả, công tác huy động vốn đang dần được nâng cao. Nguồn huy động từ ngoại tệ chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn huy động. Năm 2013, nguồn vốn huy động từ ngoại tệ là 2.769 triệu đồng, tăng 1.745 triệu đồng so với năm 2012, tương ứng tăng 170,4%. Sang năm 2014, nguồn huy động từ ngoại tệ tăng 615 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 22,2%. Nguồn huy động từ ngoại tệ tăng dần qua các năm song vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng nguồn vốn huy động. Nguyên nhân là do thủ tục, quy trình mua bán ngoại tệ phức tạp, người dân nắm giữ nội tệ là chủ yếu, mặt khác NH thực hiện chính sách thắt chặt đối với ngoại tệ, khách hàng muốn mua bán ngoại tệ cần phải chứng minh được mục đích sử dụng và nguồn gốc xuất xứ nên người dân thường có tâm lý e ngại khi sử dụng loại tiền này. Theo đó ta có thể thấy hoạt động thanh toán quốc tế của NH chưa cao. NH nên đẩy mạnh thêm hoạt động thanh toán quốc tế nhằm đem lại nguồn thu nhập cho KH trong quá trình cung ứng sản phẩm dịch vụ.

#### 2.1.4.2. Phân tích tình hình huy động vốn theo kỳ hạn

**Bảng 2.4. Tình hình huy động vốn theo kỳ hạn năm 2012 – 2014**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh			
				2013/2012		2014/2013	
				SL	%	SL	%
Không kỳ hạn	2.381	11.015	18.746	8.634	362,6	7.731	70,2
Có kỳ hạn	111.502	137.940	176.493	26.438	23,7	38.553	27,9
<b>Tổng</b>	<b>113.883</b>	<b>148.955</b>	<b>195.239</b>	<b>35.072</b>	<b>30,8</b>	<b>46.284</b>	<b>31,1</b>

Dựa vào bảng số liệu ta thấy; trong 3 năm qua tình hình huy động vốn của Chi nhánh theo kỳ hạn có sự khác biệt khá lớn giữa tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi không kỳ hạn. Nguồn vốn huy động chủ yếu của Chi nhánh là từ khoản tiền gửi có kỳ hạn. Đây là nguồn vốn có tính ổn định và Chi nhánh có thể chủ động trong việc sử dụng nguồn vốn này. Tuy nhiên đây lại là nguồn vốn có chi phí cao so với tiền gửi không kỳ hạn, đây chính là lý do dẫn tới khoản mục chi phí của Chi nhánh 3 năm qua luôn ở mức cao. Việc huy động vốn bằng tiền gửi có kỳ hạn buộc Chi nhánh phải có phương án sử dụng có hiệu quả tốt nhất nếu không sẽ rơi vào tình trạng ứ đọng vốn, Chi nhánh sẽ phải gánh chịu một khoản lãi cao hàng năm mà không có khoản thu nhập để bù đắp chi phí bỏ ra.

Đi vào chi tiết từng năm ta thấy: Năm 2012, khi Chi nhánh đi vào hoạt động, nguồn vốn huy động được của Chi nhánh là 113.883 triệu đồng, trong đó tiền gửi không kỳ hạn là 2.381 triệu đồng chiếm 2,1% tổng vốn huy động và tiền gửi có kỳ hạn của Chi nhánh là 111.502 triệu đồng, chiếm 97,9% vốn huy động. Điều này cho thấy năm đầu tiên đi vào hoạt động điểm thu hút khách hàng tới Ngân hàng chính là lãi suất huy động của tiền gửi có kỳ hạn của Chi nhánh hấp dẫn. Sang năm 2013, cả 2 thành phần nguồn vốn không kỳ hạn và có kỳ hạn đều tăng nhưng tốc độ tăng của tiền gửi không kỳ hạn đã tăng đến 362,6%, tức là tăng 8.634 triệu đồng. Do năm 2013, lượng khách hàng biết đến Ngân hàng ngày càng nhiều, khách hàng gửi vào tài khoản tiền gửi KKH chủ yếu nhằm sử dụng các dịch vụ thanh toán, chi trả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Sang năm 2014, con số này tiếp tục tăng với tỷ lệ 73.47% và đạt 18.746 triệu đồng. Qua con số thống kê ta thấy được CN đang từng bước đẩy mạnh hoạt động huy động vốn từ tiền gửi không kỳ hạn. Đây được coi là hướng đi đúng đắn mà mọi NH đều đang hướng đến.

Năm 2012 lượng tiền gửi có kỳ hạn là 111.502 triệu đồng, sang năm 2013 con số này tăng thêm 26.438 triệu đồng và đạt 137.940 triệu đồng, tương ứng tăng 29,49%. Năm 2014, giá trị này tăng lên 38.553 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 27,9%. So với tốc độ tăng của tiền gửi không kỳ hạn thì có thể thấy nguồn vốn có kỳ hạn có sự biến động nhẹ. Nguyên nhân là do NH triển khai các chương trình khuyến mãi – bổ sung tính hấp dẫn của các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn, thực hiện chính sách

lãi suất linh hoạt phù hợp với từng kỳ hạn gửi tiền. Sự tăng lên của tiền gửi có kỳ hạn thể hiện sự phát triển của Chi nhánh tại địa bàn tỉnh. Các sản phẩm tiền gửi có kỳ hạn của NH ngày càng hấp dẫn, thu hút ngày càng nhiều KH. Từ đó hình ảnh của NH cũng ngày càng được quảng bá.

2.1.4.3. Phân tích tình hình huy động vốn theo đối tượng

**Bảng 2.5. Tình hình huy động vốn theo đối tượng năm 2012 – 2014**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	So sánh			
				2013/2012		2014/2013	
				SL	%	SL	%
Cá nhân	112.368	142.311	172.260	29.943	26,6	29.949	21,1
Tổ chức kinh tế	1.515	4.644	22.979	3.129	206,5	18.335	394,8
<b>Tổng</b>	<b>113.883</b>	<b>148.955</b>	<b>195.239</b>	<b>35.072</b>	<b>30,8</b>	<b>46.284</b>	<b>31,1</b>

(Nguồn: Bộ phận Kế toán – quỹ Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh)

Qua bảng số liệu có thể thấy nguồn vốn huy động của Ngân hàng chủ yếu là từ khách hàng cá nhân, chiếm trên 90% tổng số vốn huy động. Huy động từ các tổ chức kinh tế chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu vốn huy động. Nhận thức ngày càng cao về tầm quan trọng và lợi ích khi sử dụng các sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng, cùng với sự tăng cường công tác tiếp thị sản phẩm, tổ chức các chương trình khuyến mãi với các hình thức huy động đa dạng, linh hoạt của Chi nhánh, lượng KH cá nhân đến với Chi nhánh ngày càng tăng. Năm 2012, vốn huy động từ KH cá nhân là 112.368 triệu đồng. Sang năm 2013 giá trị này tăng lên 29.943 triệu đồng, tương ứng tăng 26,6%. Năm 2014 số vốn huy động từ KH cá nhân đạt 172.260 triệu đồng, tăng 29.949 triệu đồng so với năm 2013, tương ứng tăng 21,1%. Điều này cho thấy, vào năm 2014 mặc dù số vốn huy động từ KH cá nhân có xu hướng tăng lên về số tuyệt đối song về số tương đối lại giảm, nguyên nhân là do sự tăng lên nhanh chóng giá trị tiền gửi của các tổ chức kinh tế, chiếm tỷ trọng lớn hơn trong tổng nguồn vốn huy động. Giai đoạn từ 2012-2014, số vốn huy động từ các tổ chức kinh tế tăng qua các năm. Năm 2012 huy động vốn từ các tổ chức kinh tế là 1.515 triệu đồng. Năm 2013, cùng với sự tăng lên

của tổng vốn huy động, huy động vốn từ các tổ chức kinh tế cũng tăng lên 3.129 triệu đồng, tương ứng tăng 206,5%. Sang năm 2014, con số này tiếp tục tăng 18.335 triệu đồng tương ứng tăng 394,8% và đạt 22.979 triệu đồng. Loại tiền gửi này tăng cho thấy mối quan hệ của NH với các tổ chức kinh tế trên địa bàn ngày càng được mở rộng. Do yêu cầu trong sản xuất kinh doanh cũng như thấy rõ được những tiện ích sản phẩm, dịch vụ nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp giao dịch thường xuyên với NH. Lượng tiền gửi thanh toán từ các doanh nghiệp ngày càng tăng do các doanh nghiệp sử dụng nhằm đảm bảo an toàn tài sản, thực hiện các khoản chi trả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, chi trả lương cho nhân viên của doanh nghiệp. Nắm rõ được những lợi ích đó nên số lượng doanh nghiệp gửi tiền càng tăng lên. Điều này cho thấy khả năng huy động vốn từ các tổ chức này ngày càng khả quan hơn, uy tín của NH ngày càng được nâng lên, càng nhiều tổ chức kinh tế tín nhiệm gửi tiền vào.

### **2.2. Thực trạng về kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh**

Do Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh huy động vốn chủ yếu bằng tiền gửi, các hình thức huy động vốn khác (phát hành giấy tờ có giá, vay Ngân hàng nhà nước, vay các tổ chức tín dụng...) rất ít khi xảy ra nên khóa luận tập trung nghiên cứu thực trạng kế toán huy động tiền gửi.

Các sản phẩm tiền gửi chủ yếu của Chi nhánh bao gồm: tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán), tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn.

#### **2.2.1. Tài khoản và chứng từ sử dụng**

##### **2.2.1.1. Tài khoản sử dụng**

Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh sử dụng hệ thống tài khoản kế toán của các tổ chức tín dụng do Ngân hàng nhà nước ban hành. Các TK sử dụng chủ yếu của Ngân hàng là:

TK 801: Trả lãi tiền gửi

TK 1011: Tiền mặt tại quỹ

TK 491: Lãi phải trả cho tiền gửi

TK 388: Chi phí chờ phân bổ (lãi trả trước).



Tài khoản khách hàng thuộc Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh gồm 12 ký tự và có dạng như sau:

0400.xxxxxxxxx

Trong đó: 04 là mã khu vực Bắc Trung Bộ

00xxxxxxxx là số thứ tự ngẫu nhiên của khách hàng.

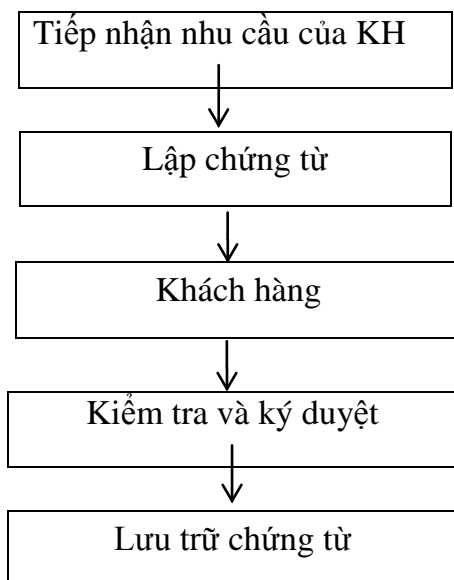
#### 2.2.1.2. Chứng từ sử dụng

Chứng từ kế toán huy động vốn sử dụng tại Chi nhánh gồm nhiều loại phục vụ cho công tác hạch toán và theo dõi nguồn vốn huy động như:

- Chứng từ tiền mặt: giấy nộp tiền, giấy lĩnh tiền, séc tiền mặt.
- Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu, thẻ thanh toán.
- Các loại kỳ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi.
- Các loại thẻ tiết kiệm.

Khách hàng đến giao dịch chỉ phải làm việc với một giao dịch viên, mọi thủ tục chứng từ và rút tiền đều thực hiện một cửa, khi vượt qua một mức thu – chi đã phân quyền trước thì khách hàng sẽ sang gặp giao dịch viên quý.

#### 2.2.1.3. Quy trình luân chuyển chứng từ đối với nghiệp vụ tiền gửi



Sơ đồ 2.3. Quy trình luân chuyển chứng từ đối với nghiệp vụ tiền gửi

Trong ngày, sau khi tiếp nhận nhu cầu của khách hàng GDV sẽ tiến hành lập chứng từ phù hợp đồng thời kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ giao dịch.

- Chứng từ được lập xong sẽ được chuyển cho khách hàng để ký tên.

- Mọi chứng từ do GDV lập đều được chuyển qua kiểm soát viên kiểm tra các chi tiết trên chứng từ và đối chiếu thông tin trên chứng từ so với hệ thống. Nếu đúng thì thực hiện ký duyệt chứng từ.

- Sau khi nhận lại chứng từ từ kiểm soát viên, GDV kiểm tra và bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ các yếu tố chứng từ theo quy định, GDV chuyển toàn bộ chứng từ kèm theo các bảng kê đã hoàn tất trong ngày cho nhân viên kiểm tra lưu trữ chứng từ.

Lưu ý: - Các chứng từ gốc sẽ được lưu kèm sau chứng từ ghi sổ.

- Tất cả các chứng từ khi chuyển về nhân viên kiểm tra lưu trữ chứng từ phải đầy đủ chữ ký theo quy định.

- Đối với GDV tại Chi nhánh, thời gian chậm nhất cho việc chuyển chứng từ này về nhân viên kiểm tra lưu trữ chứng từ là đầu giờ chiều ngày làm việc tiếp theo.

### **2.2.2. Quy trình kế toán nghiệp vụ huy động tiền gửi**

Căn cứ quyết định 1498/2005/QĐ-NHNN ngày 13/10/2005 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước về việc ban hành Quy chế giao dịch một cửa áp dụng với các tổ chức tín dụng, để đáp ứng yêu cầu quản lý công tác huy động vốn thống nhất và đồng bộ trong toàn hệ thống, Chi nhánh đã áp dụng chương trình kế toán “”giao dịch một cửa” - phương thức tổ chức cung ứng dịch vụ của tổ chức tín dụng cho khách hàng, trong đó khách hàng chỉ cần giao dịch với một giao dịch viên của tổ chức tín dụng và nhận kết quả từ giao dịch viên đó.

#### **2.2.2.1. Quy trình kế toán tiền gửi không kỳ hạn (tiền gửi thanh toán)**

Đây là loại tiền gửi không kỳ hạn được sử dụng với mục đích chủ yếu là thực hiện các giao dịch chủ yếu qua Ngân hàng bằng các phương tiện thanh toán, khách hàng có thể gửi vào rút ra bất cứ lúc nào. Lãi suất huy động do Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín công bố và có thể thay đổi tùy theo thời điểm.

➤ Khi khách hàng có nhu cầu mở TK tiền gửi thanh toán:

Đối với khách hàng là tổ chức: khách hàng phải điền thông tin vào phiếu đăng ký/thay đổi thông tin khách hàng (*Phụ lục 01*), giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử

dụng TK ( có chữ ký của người đại diện và mẫu dấu) (*Phụ lục 02*), đồng thời phải có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy ủy quyền và các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật.

Đối với khách hàng là cá nhân : phải có phiếu đăng ký thông tin khách hàng (*Phụ lục 03*), CMND hoặc hộ chiếu, phiếu đăng ký sử dụng dịch vụ. Sau đó GDV sẽ làm thủ tục mở tài khoản cho khách hàng.

➤ Kế toán nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán

Khi khách hàng nộp tiền vào TK, khách hàng chỉ cần đọc số TK, GDV tiến hành thu đủ tiền của khách hàng, in giấy nộp tiền và bảng kê các loại tiền nộp gồm 2 liên, yêu cầu khách hàng ký tên sau đó chuyển giấy nộp tiền qua kiểm soát viên ký duyệt. Sau khi nhận lại chứng từ từ kiểm soát viên GDV đóng dấu đã thu đủ lên chứng từ, tiến hành trả liên 2 cho khách hàng, liên 1 lưu tại Ngân hàng.

Hệ thống sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK VND100013601: số tiền nộp vào

Có TK KH: số tiền nộp vào

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015 bà Lê Thị Thanh đến Ngân hàng Sacombank chi nhánh Hà Tĩnh để nộp tiền vào TK tiền gửi thanh toán của mình số tiền 15.000.000 đồng ( số TK tiền gửi thanh toán của bà Thanh là 040036226211).

GDV in giấy nộp tiền và bảng kê thu tiền, hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK VND100013601: 15.000.000

Có TK 040023559309: 15.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 04*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 05*).

**Biểu 2.1. Giấy nộp tiền**

Sacombank		
CHI NHÁNH HÀ TĨNH		So: 1509264MXD
	GIẤY NỘP TIỀN	TQ: ID18149
	(Kiem phieu thu tien mat)	LP:ID18149
	Ngày 24 thang 02 nam 2015	CT:018149.092.00008
Nguoi nop tien: LE THI THANH		Tai khoan co:
Dia chi: P.NAM HA, TP HA TINH		040023559309
So CMND:/MST: 183985735 Ngay cap: 02/10/2009 Noi cap: CA HA TINH		
Dien giai/ N.dung: NTM LE THI THANH		So tien co:
		15.000.000
So tien bang chu: Muoi lam trieu dong		So tien thuc nop:
		15.000.000
Nguoi nop tien	Giao dich vien	Truong don vi
( Ky, ghi ro ho ten)		

**Biểu 2.2. Bảng kê thu tiền**

NH SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		BẢNG KÊ THU TIỀN	
Ngày: 24/02/2015			
Tên KH: LE THI THANH			
Số CT thu: TT1509264MXD		Số tiền: 15.000.000	
Số CT chi:		Số tiền: 0	
Số tiền thực thu: 15.000.000			
MỆNH GIÁ		SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
200.000		75	15.000.000
Tổng			15.000.000
Số tiền bằng chữ: Mười lăm triệu đồng			
Người nộp tiền		Người nhận tiền	
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)	

➤ Kế toán nhận tiền gửi bằng chuyển khoản

Nhận được giấy báo Có từ Ngân hàng khác chuyển đến cho khách hàng. GDV kiểm tra số TK, tên khách hàng nếu đúng thì hạch toán:

- Cùng hệ thống Ngân hàng: Nợ TK 5191: số tiền báo có  
Có TK KH: số tiền báo có
- Khác Ngân hàng, cùng địa bàn: Nợ TK 5012: số tiền báo có  
Có TK KH: số tiền báo có
- Khác Ngân hàng, khác địa bàn: Nợ TK 5192: số tiền báo có  
Có TK KH: số tiền báo có

**Ví dụ:** Ngày 25/03/2015, nhận được báo có từ Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Hà Tĩnh với nội dung ông Trần Tuấn thanh toán tiền hàng cho bà Bùi Thị Loan có số TK tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh là 040035765431 số tiền 23.000.000 đồng.

Hệ thống tự động hạch toán như sau:

Nợ TK 5012: 23.000.000

Có TK 040035765431: 23.000.000

➤ Kế toán rút tiền mặt từ TK tiền gửi thanh toán

- Đối với khách hàng là tổ chức: GDV hướng dẫn khách hàng viết giấy rút tiền mặt, kiểm tra chữ ký, số dư TK của khách hàng, mẫu dấu, chứng minh nhân dân của người đại diện nếu đủ và hợp lệ, hợp pháp thì cho phép hệ thống tự động hạch toán, sau đó GDV đưa giấy rút tiền mặt qua kiểm soát viên phê duyệt và tiến hành chi tiền cho khách hàng, đồng thời in ra bảng kê chi tiền.

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK KH: số tiền rút ra

Có TK VND100013601: số tiền rút ra

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015 Công ty cổ phần tư vấn và xây dựng Đức Thịnh rút tiền mặt từ TK thanh toán (số TK tiền gửi thanh toán của công ty là 040025735261), số tiền 30.000.000 đồng.

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK 040025735261: 30.000.000

Có TK VND100013601: 30.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ ( *Phụ lục 04*) và bảng kê chứng từ thu chi ( *Phụ lục 05*).

**Biểu 2.3. Giấy rút tiền mặt**

<b>GIẤY RÚT TIỀN MẶT</b>		Ngày: 24/02/2015	Sacombank
Chủ tài khoản: Công ty CP tư vấn và xây dựng Đức Thịnh			Số GD: J5KL
Tài khoản số: 040025735261      Tại CN: Hà Tĩnh			Mã GDV: 8641
Số tiền rút bằng chữ: Ba mươi triệu đồng			
Người nhận tiền: Lê Thị Phương		Phần do NH chi	
Số CMND: 183985455 Ngày cấp: 02/03/2005 Nơi cấp: CA Hà Tĩnh		Tài khoản Nợ	
Phần dành cho khách hàng			Số tiền bằng số
Kế toán	Chủ tài khoản	Người nhận tiền	30.000.000
Phần dành cho Sacombank			Mệnh giá
Giao dịch viên	Thủ quỹ	Trưởng đơn vị	Số lượng
			Thành tiền
			500.000
			20.000.000
			200.000
			10.000.000
			TỔNG CỘNG
			30.000.000

**Biểu 2.4. Bảng kê chi tiền**

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		
BẢNG KÊ CHI TIỀN		
Ngày: 24/02/2015		
Tên khách hàng: Công ty CP tư vấn và xây dựng Đức Thịnh		
Số CT Thu:           Số tiền: 0		
Số CT Chi: TT15092VMXRD   Số tiền: 30.000.000		
Số tiền thực chi: 30.000.000		
MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
500.000	40	20.000.000
200.000	50	10.000.000
Tổng		30.000.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng		
Người lĩnh tiền		Người chi tiền
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)

- Đối với khách hàng là cá nhân: GDV yêu cầu xuất trình chứng minh nhân dân, sau khi kiểm tra số dư TK thì GDV tiến hành nhập máy, in giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê chi tiền đưa cho khách hàng ký. GDV so sánh chữ ký với chữ ký mẫu, nếu hợp lệ thì đưa chứng từ qua cho kiểm soát viên phê duyệt. Sau khi nhận lại chứng từ từ kiểm soát viên, GDV tiến hành chi tiền cho khách hàng, đồng thời in bảng kê chi tiền.

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK KH: số tiền rút ra

Có TK VND100013601: số tiền rút ra

**Ví dụ:** Ngày 24/04/2015 bà Lê Thị Thanh đến Ngân hàng rút tiền mặt từ tiền gửi thanh toán số tiền 8.000.000 đồng.

GDV in giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê chi tiền, hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK 040023559309: 8.000.000

Có TK VND100013601: 8.000.000



Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 06*) và bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 07*)

**Biểu 2.5. Giấy lĩnh tiền**

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN		So: TT150926KXMR		
CHI NHANH HA TINH	GIAY LINH TIEN	TQ: ID18168		
MST: 0301103908 – 010	(Kiem phieu chi tien mat)	LP: ID18168_I_INAU		
	Ngày 24 tháng 04 năm 2015	CT:018168.092000034		
Nguoi linh tien: LE THI THANH		Tai khoan no:		
Dia chi: THACH HA- HA TINH		040023559309		
So CMND/MST: 183985735 Ngay cap: 02/10/2009 Noi cap: CA HA TINH				
Dien giai/ N.dung: LE THI THANH RTM		So tien ghi no:		
		8.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Tam triệu đồng		So tien thuc linh		
		8.000.000 VND		
KT Truong	Chu TK	Nguoi linh tien	Giao dich vien	Truong don vi

**Biểu 2.6. Bảng kê chi tiền**

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		
BẢNG KÊ CHI TIỀN		
Ngày: 24/04/2015		
Tên khách hàng: LE THI THANH		
Số CT Thu:	Số tiền: 0	
Số CT Chi: TT150926KXMR	Số tiền: 8.000.000	
Số tiền thực chi: 8.000.000		
MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
500.000	16	8.000.000
Tổng		8.000.000
Số tiền bằng chữ: Tám triệu đồng		
Người lĩnh tiền	Người chi tiền	
(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký và ghi rõ họ tên)	

➤ Kế toán chi trả tiền gửi bằng chuyển khoản

Ủy nhiệm chi (UNC) là chứng từ do chủ TK lập để ủy nhiệm cho Ngân hàng trích tài khoản của mình chi trả cho người thụ hưởng.

Khách hàng lập UNC, GDV tiến hành kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của UNC, kiểm tra số dư trên TK, chứng minh nhân dân, chữ ký mẫu, mẫu dấu đã đăng ký tại Ngân hàng.

- Nếu chuyển khoản trong cùng hệ thống Sacombank:

Nợ TK KH: số tiền chuyển

Có TK 5191: số tiền chuyển

- Nếu chuyển khoản khác Ngân hàng, cùng địa bàn:

Nợ TK KH: số tiền chuyển

Có TK 5012: số tiền chuyển

- Nếu chuyển khoản khác Ngân hàng, khác địa bàn:

Nợ TK KH: số tiền chuyển

Có TK 5192: số tiền chuyển

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015, bà Lê Thị Thanh đến Ngân hàng Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh yêu cầu chuyển từ TK thanh toán của mình số tiền 10.000.000 đồng vào TK thanh toán của ông Nguyễn Ngọc Sơn tại Vietinbank Chi nhánh Hà Tĩnh.

GDV yêu cầu khách hàng lập UNC, sau khi GDV kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp các thông tin và chứng từ, hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK 040023559309 : 10.000.000

Có TK 5012: 10.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Bảng kê chứng từ chuyển khoản (Phụ lục 08).

### Biểu 2.7. Ủy nhiệm chi

<b>ỦY NHIỆM CHI</b>		Ngày: 24/02/2015	Sacombank
Cá nhân/ Đơn vị chuyển tiền: Lê Thị Thanh			Số GD: K78L
Tài khoản số: 040023559309 Tại chi nhánh: Hà Tĩnh			Mã GDV: 8641
Cá nhân/Đơn vị thụ hưởng: Nguyễn Ngọc Sơn			
Tài khoản số: 043526728549			Phần do Ngân hàng chi
Số CMND/HC:                      Ngày cấp:                      Nơi cấp:			Tài khoản nợ
Tại Ngân hàng: Vietinbank Tỉnh: Hà Tĩnh			Tài khoản có
Số tiền bằng chữ: Mười triệu đồng			Số tiền bằng số
			10.000.000
Cá nhân/ Đơn vị chuyển tiền	Sacombank	Ngân hàng B	
	Ghi sổ ngày:	Ghi sổ ngày:	
Lê Thị Thanh	24/02/2015		
Nội dung: chuyển tiền vào tài khoản			

- Kế toán thu phí qua Ngân hàng

Ngân hàng tiến hành thu phí đối với các trường hợp chuyển tiền cùng hệ thống, khác tỉnh và chuyển tiền khác hệ thống.

Khi khách hàng đến Ngân hàng yêu cầu chuyển khoản, GDV sẽ tiến hành lập giấy UNC, thu tiền phí dịch vụ và in phiếu thu dịch vụ giao cho khách hàng.

Mức phí thu dịch vụ được quy định theo từng thời kỳ.

Tài khoản sử dụng:

711: Thu phí dịch vụ thanh toán

713: Thu dịch vụ ngân quỹ ( phí kiểm đếm)

719: Thu khác

4531: Thuế GTGT phải nộp

Hạch toán:

Nợ TK KH/ VND100013601: số tiền thu

Có TK 711/713: phí chuyển tiền

Có TK 4531: số thuế GTGT phải nộp

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015, bà Lê Thị Thanh đến Ngân hàng yêu cầu chuyển từ TK thanh toán của mình số tiền 10.000.000 đồng vào TK thanh toán của ông Nguyễn Ngọc Sơn tại Vietinbank Chi nhánh Hà Tĩnh, phí chuyển tiền là 0,01%, thuế GTGT là 10%. Mức phí tối thiểu là 15.000.

Hệ thống tự động hạch toán phí như sau:

Nợ TK VND100013601: 16.500

Có TK 711: 15.000

Có TK 4531: 1.500

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 04*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 05*).

**Biểu 2.8. Hóa đơn giá trị gia tăng**

Sacombank			
CHI NHANH HA TINH	HOA DON GIA TRI GIA TANG		
MST: 0301103908 -010	Liên 1: Lưu/ Liên 2: Giao KH	Mau so: 01GTKT2/001	
	(Kiem Phieu CK/Giay nop tien)	Ky hieu: GN/15T	
	Ngày 24/02/2015	So hoa don: 0009696	
Ten KH: LE THI THANH			Phan danh rieng cho NH
Dia chi:P.NAM HA, TP HA TINH			So: TT15080WXLRQ
Ma KH: 4698600	So TK: 040023559309	Lap phieu: ID14679	
Ma so thue/CMND: 183985735			CT: 014679.080000008
Hinh thuc thanh toan:	CHUYEN KHOAN	16.500VND	No: 040027771388
Noi dung: TPCK SGGT HA TINH –TT15080X8XRN			Co: VND100013601
Thu phi VND, DVTT, ngoai he thong	15.000VND		
Thu suat GTGT: 10%, Tien thue GTGT	1.500VND		
Tong so tien thanh toan:	16.500VND		
So tien (bang chu): Muoi sau nghin nam tram dong			
Khach hang	Thu quy	Giao dich vien	Truong don vi

➤ Kế toán toán lãi tiền gửi thanh toán

Ngân hàng trả lãi theo phương pháp tổng tích số và được nhập gốc vào ngày cuối tháng

$$\text{Số tiền lãi} = \text{Tổng tích số tính} * \text{Lãi suất tháng/ hoặc lãi suất năm/}$$

lãi trong tháng      30 ngày      360 ngày

Trong đó:

$$\text{Tổng tích số tính lãi trong tháng} = \sum [\text{Số dư Có TK} * \text{Số ngày dư Có thực tế}]$$

thanh toán trong tháng

Nợ TK 801: lãi phải trả

Có TK 4211: lãi phải trả

Ví dụ: TK tiền gửi thanh toán của khách hàng Lê Thị Thanh tháng 03/2015 như sau:

Ngày	Số dư	Ngày thực tế	Tích số
01/03- 04/03	2.000.000	4	8.000.000
05/03- 14/03	4.000.000	10	40.000.000
15/03- 19/03	800.000	5	4.000.000
20/03- 21/03	500.000	2	1.000.000
22/03- 31/03	2.300.000	10	23.000.000
Tổng		31	76.000.000

Với lãi suất tiền gửi thanh toán là 0,3%/ năm, tính lãi vào ngày cuối tháng, lãi tiền gửi thanh toán của khách hàng Lê Thị Thanh là:

$$76.000.000 * 0,3\%/360 = 633,33 \text{ đồng}$$

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK 801: 633,33

Có TK 040023559309: 633,33

- Đóng tài khoản thanh toán

Theo quyết định số 126/2014/QĐ- HĐQT Ngân hàng thực hiện đóng tài khoản thanh toán của khách hàng trong các trường hợp:

- Có văn bản yêu cầu đóng tài khoản thanh toán của chủ tài khoản và chủ tài khoản đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán.

- Chủ tài khoản thanh toán là cá nhân bị chết, bị tuyên bố là đã chết, bị mất

Tích hoặc mất năng lực hành vi nhân sự.

- Tổ chức có tài khoản thanh toán chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Chủ tài khoản vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại hợp đồng về mở và sử dụng tài khoản thanh toán với Ngân hàng.

- Tài khoản thanh toán của khách hàng có số dư bằng không và ngưng sử dụng trong vòng 6 tháng (kể từ thời điểm tài khoản thanh toán có số dư bằng không).

### 2.2.2.2 Quy trình kế toán tiền gửi có kỳ hạn

Đặc điểm của tài khoản tiền gửi có kỳ hạn là người gửi tiền chỉ được rút tiền khi khoản tiền gửi đã đến hạn trả, trường hợp người gửi tiền đến rút trước hạn thì khoản

tiền gửi đó được hưởng lãi theo mức lãi suất không kỳ hạn. Trường hợp đến hạn rút tiền nhưng người gửi tiền không đến rút tiền thì coi như gửi tiếp kỳ hạn mới. Loại tiền gửi này thường áp dụng đối với khách hàng là tổ chức.

➤ Khi khách hàng có nhu cầu mở TK tiền gửi có kỳ hạn

Mọi thủ tục để mở tài khoản tiền gửi có kỳ hạn tương tự như mở tài khoản tiền gửi thanh toán nhưng giữa khách hàng và Ngân hàng còn ký thêm hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (*Phụ lục 09*)

➤ Kế toán nộp tiền mặt vào TK tiền gửi có kỳ hạn

Quy trình nghiệp vụ diễn ra tương tự như nộp tiền mặt vào TK tiền gửi thanh toán.

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015, công ty Cổ phần xây dựng Đại Thăng gửi tiền vào TK tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng số tiền 30.000.000 đồng (số TK tiền gửi có kỳ hạn của công ty là 040023580672).

GDV in giấy nộp tiền và bảng kê thu tiền, hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK VND100013601: 30.000.000

Có TK 040023580672: 30.000.000

Cuối ngày giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 04*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 05*).

**Biểu 2.9. Giấy nộp tiền**

Sacombank		
CHI NHÁNH HÀ TĨNH	GIẤY NỘP TIỀN	So: 1509267MXD
	(Kiem phieu thu tien mat)	TQ: ID18154
	Ngày 24 tháng 02 năm 2015	LP: ID18154
		CT:018154.092.00007
Nguoi nop tien: Cong ty Co phan xay dung Dai Thang		Tai khoan co:
Dia chi: THACH HA, HA TINH		040023580672
So CMND:/MST: 03011337284-011 Ngay cap: Noi cap:		
Dien giai/ N.dung: CONG TY CPXD DAI THANG NTM		So tien co:
		30.000.000
So tien bang chu: Ba muoi trieu dong		So tien thuc nop:
		30.000.000
Nguoi nop tien	Giao dich vien	Truong don vi
( Ky, ghi ro ho ten)		



**Biểu 2.10. Bảng kê thu tiền**

NH SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		BẢNG KÊ THU TIỀN		
Ngày: 24/02/2015				
Tên KH: Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thắng				
Số CT thu: 1509267MXD		Số tiền: 30.000.000		
Số CT chi:		Số tiền: 0		
Số tiền thực thu: 30.000.000				
		MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
		200.000	150	30.000.000
		Tổng		30.000.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng				
Người nộp tiền		Người nhận tiền		
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)		

➤ Kế toán rút tiền mặt từ TK tiền gửi có kỳ hạn

Quy trình nghiệp vụ diễn ra tương tự như rút tiền mặt từ TK tiền gửi thanh toán.

**Ví dụ:** Ngày 24/04/2015, công ty Cổ phần xây dựng Đại Thắng rút tiền từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn số tiền 30.000.000.

Sau khi GDV nhập các dữ liệu vào máy, máy tính sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 040023580672: 30.000.000

Có TK VND100013601: 30.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục số 06*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục số 07*).

**Biểu 2.11: Giấy lĩnh tiền**

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN		So: TT150927KXMR		
CHI NHANH HA TINH	GIAY LINH TIEN	TQ: ID18176		
MST: 0301103908 – 010	(Kiem phieu chi tien mat)	LP: ID18176_I_INAU		
	Ngày 24 thang 04 nam 2015	CT:018176.092000052		
Nguoi linh tien: Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thắng		Tai khoan no:		
Dia chi: THACH HA- HA TINH		040023580672		
So CMND/MST: 03011337284-011 Ngày cap: Noi cap:				
Dien giai/ N.dung: CONG TY CPXD DAI THANG RTM		So tien ghi no:		
		30.000.000 VND		
Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng		So tien thuc linh		
		30.000.000 VND		
KT Truong	Chu TK	Nguoi linh tien	Giao dich vien	Truong don vi

**Biểu 2.12. Bảng kê chi tiền**

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		
BẢNG KÊ CHI TIỀN		
Ngày: 24/04/2015		
Tên khách hàng: CONG TY CO PHAN XAY DUNG DAI THANG		
Số CT Thu:		Số tiền: 0
Số CT Chi: TT150927KXMR		Số tiền: 30.000.000
Số tiền thực chi: 30.000.000		
MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
500.000	60	30.000.000
Tổng		30.000.000
Số tiền bằng chữ: Ba mươi triệu đồng		
Người lĩnh tiền		Người chi tiền
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)

➤ Kế toán trả lãi tiền gửi có kỳ hạn

Ngân hàng tính và dự chi lãi theo ngày, việc tính lãi áp dụng theo từng món:

Tiền lãi = Số tiền gửi vào \* Thời gian gửi \* Lãi suất tiền gửi

Khi trả lãi tiền gửi có kỳ hạn GDV in giấy lĩnh tiền và bảng kê chi tiền theo mẫu giống như nghiệp vụ rút tiền.

- Trường hợp tiền gửi có kỳ hạn lãi trả trước: tiến hành chi lãi cho khách hàng ngay khi gửi tiền.

Nợ TK 388: số lãi trả trước

Có TK thích hợp: số lãi trả trước

Hàng tháng phân bổ lãi:

Nợ TK 8010: lãi phân bổ hàng tháng

Có TK 388: lãi phân bổ hàng tháng

- Trường hợp tiền gửi có kỳ hạn lãi trả hàng tháng:

+ Trích lãi tiết kiệm dự trả hàng tháng

Nợ TK 8010: số lãi dự trả

Có TK 4911: số lãi dự trả

+ Trả lãi tiết kiệm cho khách hàng:

Nợ TK 4911: số tiền lãi

Có TK thích hợp: số tiền lãi

- Trường hợp tiền gửi có kỳ hạn lãi trả cuối kỳ:

Hàng ngày Ngân hàng tính lãi dự trả cho khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và hạch toán:

Nợ TK 8010: chi phí trả lãi tiền gửi

Có TK 4911: Số lãi dự trả

+ Trả lãi tiền gửi khi tắt toán trước hạn:

Khi khách hàng có nhu cầu tắt toán trước hạn, Ngân hàng tính lãi cho khách hàng theo mức lãi suất không kỳ hạn cho thời gian gửi thực tế:

Nợ TK 4911: số lãi phải trả

Có TK VND100013601: số lãi phải trả

Đồng thời hạch toán thoái chi lãi:

Nợ TK 4911: chênh lệch lãi phải trả < lãi đã dự chi

Có TK 8010: chênh lệch lãi phải trả < lãi đã dự chi

+ Trả lãi tiền gửi khi đáo hạn:

Nợ TK 4911: số lãi phải trả

Có TK VND10013601: số lãi phải trả

+ Nếu đến kỳ hạn mà khách hàng không đến lĩnh lãi thì kế toán tự động nhập lãi vào gốc và coi như khách hàng gửi tiếp một kỳ hạn mới và hạch toán:

Nợ TK 4911: số lãi phải trả

Có TK KH: số lãi phải trả

Nếu chưa hết kỳ hạn mới khách hàng đến tắt toán, Ngân hàng tính lãi suất không kỳ hạn cho số tiền gửi trong thời gian quá hạn:

Nợ TK 4911: số lãi quá hạn phải trả

Có TK VND100013601: số lãi quá hạn phải trả

**Ví dụ:** Ngày 24/04/2015 Công ty Cổ phần xây dựng Đại Thắng rút tiền từ TK tiền gửi có kỳ hạn. Lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng là 4,6%, lãi trả cuối kỳ.

Bắt đầu từ cuối ngày 24/02/2015, hệ thống sẽ tự động tính lãi cho TK tiền gửi của công ty. Đến ngày 24/04/2015, số lãi Ngân hàng dự trả:

$$15.000.000 * 4,6\%/360 * 59 = 113.083$$

Nợ TK 8010: 113.083

Có TK 4911: 113.083

Hệ thống tiến hành hạch toán trả lãi:

Nợ TK 4911: 113.083

Có TK VND100013601: 113.083

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục số 06*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục số 07*)

### 2.2.2.3. Kế toán nghiệp vụ tiền gửi tiết kiệm

a. Quy trình kế toán tiền gửi tiết kiệm

➤ Khi khách hàng có nhu cầu mở TK tiền gửi tiết kiệm

• Đối với TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: Khách hàng phải điền vào phiếu đăng ký thông tin khách hàng (*Phụ lục 03*), xuất trình CMND hoặc hộ chiếu. GDV sẽ tiến hành mở tài khoản tiết kiệm cho khách hàng.

- Đối với TK tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: quy trình tương tự như mở TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn.

- Kế toán nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi tiết kiệm

- Đối với TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: Khi khách hàng đến yêu cầu mở thẻ tiết kiệm GDV kiểm tra chứng minh nhân dân còn hiệu lực sau đó in những thông tin lên thẻ tiết kiệm (họ tên, địa chỉ, số CMND, kỳ hạn, phương thức lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, số TK, số tiền,...) và đưa cho giám đốc ký và đóng dấu đồng thời GDV tiến hành thu tiền, in phiếu nộp tiền và bảng kê thu tiền, yêu cầu khách hàng ký vào giấy nộp tiền và bảng kê. GDV chuyển giấy nộp tiền qua cho kiểm soát viên kiểm tra và ký duyệt. Sau khi nhận lại chứng từ từ kiểm soát viên, GDV đóng dấu đã thu đủ lên chứng từ, tiến hành trả thẻ tiết kiệm, CMND cùng liên 2 của chứng từ cho khách hàng, liên 1 lưu tại Ngân hàng.

Khách hàng có thể gửi tiền vào TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn nhiều lần.

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK VND100013601: số tiền gửi vào

Có TK KH: số tiền gửi vào

- Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: quy trình tương tự như nộp tiền mặt vào TK tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn. Tuy nhiên khách hàng chỉ được nộp tiền vào TK một lần, nếu khách hàng muốn nộp thêm GDV sẽ tiến hành tắt toán thẻ tiết kiệm cũ, mở thẻ tiết kiệm mới cho khách hàng.

**Ví dụ:** Ngày 24/02/2015, bà Phan Thị Mai đến Ngân hàng yêu cầu gửi tiền tiết kiệm kỳ hạn 3 tháng (TK tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của bà Mai là 040035675432) số tiền 25.000.000 đồng.

Hệ thống tự động hạch toán:

Nợ TK VND100013601: 25.000.000

Có TK 040035675432: 25.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục số 04*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 05*)

**Biểu 2.13. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn**

Sacombank					
Ngân hàng sài gòn thương tín THE TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN					
Họ tên: Phan Thị Mai					
Địa chỉ: Phường Đại Nài, TP Hà Tĩnh					
CMND/HC: 183236742		Ngày cấp: 03/02/2004		Mã KH: KX7L	
Kỳ hạn: 3 tháng		Phương thức lãi: cuối kỳ		Số TK: 040035675432	
Ngày phát hành: 24/02/2015		Ngày đáo hạn: 24/05/2015			
GDV			Trưởng đơn vị		
Đơn vị mở thẻ: Sacombank Hà Tĩnh					
Địa chỉ: 37-39 Đặng Dung, TP Hà Tĩnh					
Ngày	Mã GD	Số tiền GD	Số dư	LS (%/năm)	Đáo hạn
24/02/2015		25.000.000 Hai mươi lăm	triệu đồng	4.7	

**Biểu 2.14. Giấy nộp tiền**

Sacombank		
CHI NHÁNH HÀ TỈNH		So: 1509267MXD
MST: 0301103908	GIAY NOP TIEN	TQ: ID18149
	(Kiem phieu thu tien mat)	LP: ID18149
	Ngày 24 thang 02 nam 2015	CT:018149.092.00010
Nguoi nop tien: PHAN THI MAI		Tai khoan co:
Dia chi: THACH HA, HA TINH		040035675432
So CMND:/MST: 183236742 Ngay cap: 03/02/2004 Noi cap: CA		
HA TINH		So tien co:
Dien giai/ N.dung: PHAN THI MAI NTM		25.000.000
So tien bang chu: Hai muoi lam trieu dong		So tien thuc nop:
		25.000.000
Nguoi nop tien	Giao dich vien	Truong don vi
( Ky, ghi ro ho ten)		

**Biểu 2.15. Bảng kê thu tiền**

NH SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		BẢNG KÊ THU TIỀN													
		Ngày: 24/02/2015													
Tên KH: PHAN THI MAI															
Số CT thu: TT1509267MXD		Số tiền: 25.000.000													
Số CT chi:		Số tiền: 0													
Số tiền thực thu: 25.000.000															
	<table border="1"><thead><tr><th>MỆNH GIÁ</th><th>SỐ LƯỢNG</th><th>THÀNH TIỀN</th></tr></thead><tbody><tr><td>500.000</td><td>40</td><td>20.000.000</td></tr><tr><td>100.000</td><td>50</td><td>5.000.000</td></tr><tr><td>Tổng</td><td></td><td>25.000.000</td></tr></tbody></table>	MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN	500.000	40	20.000.000	100.000	50	5.000.000	Tổng		25.000.000		
MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN													
500.000	40	20.000.000													
100.000	50	5.000.000													
Tổng		25.000.000													
Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng															

➤ Kế toán rút tiền mặt từ tài khoản tiền gửi tiết kiệm

• Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: khi khách hàng muốn rút tiền GDV kiểm tra CMND, in giấy lĩnh tiền đưa cho khách hàng ký. GDV đối chiếu chữ ký khách hàng với chữ ký mẫu lưu trên hệ thống, nếu đúng GDV ký sau đó chuyển qua kiểm soát viên kiểm tra và ký duyệt. Khi nhận lại chứng từ từ kiểm soát viên, GDV tiến hành chi tiền cho khách hàng đồng thời in ra bảng kê chi tiền. GDV yêu cầu khách hàng ký tên vào bảng kê, giao liên 2 của giấy lĩnh tiền và bảng kê cho khách hàng, liên 1 lưu tại Ngân hàng. Hệ thống hạch toán như sau:

Nợ TK KH: số tiền rút ra

Có TK VND100013601: số tiền rút ra

Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn khách hàng có thể rút ra nhiều lần tùy theo nhu cầu sử dụng.

• Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn: quy trình giống như đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn tuy nhiên khách hàng chỉ được rút tiền một lần.



**Ví dụ:** Ngày 24/04/2015, bà Phan Thị Mai đến Ngân hàng tắt toán thẻ tiết kiệm.

Sau khi GDV nhập dữ liệu vào máy, hệ thống tiến hành hạch toán:

Nợ TK 040035675432: 25.000.000

Có TK VND100013601: 25.000.000

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 06*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 07*).

**Biểu 2.16. Giấy lĩnh tiền**

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN		So: TT15092V7XLD
CHI NHANH HA TINH	GIAY LINH TIEN	TQ: ID18147
MST: 0301103908 – 01	(Kiem phieu chi tien mat)	LP: ID18147_I_INAU
	Ngày 24 tháng 04 năm 2015	CT: 018147.09200007
Nguoi linh tien: PHAN THI MAI		Tài khoản nợ :
Dia chi: P.DAI NAI, TP HA TINH		040035675432
So CMND/MST: 183236742 Ngày cap: 03/02/2004 Noi cap: CA HA TINH		
Dien giai/ N.dung: PHAN THI MAI RTM		So tien ghi no:
		25.000.000 VND
So tien bang chu: Hai muoi lam trieu dong		So tien thuc linh
		25.000.000 VND
KT Truong	Chu TK	Nguoi linh tien
		Giao dich vien
		Truong don vi

**Biểu 2.17. Bảng kê chi tiền**

NGÂN HÀNG SÀI GÒN THƯƠNG TÍN		
BẢNG KÊ CHI TIỀN		
Ngày: 24/04/2015		
Tên khách hàng: PHAN THI MAI		
Số CT Thu:		Số tiền: 0
Số CT Chi: TT15092V7XLR		Số tiền: 25.000.000
Số tiền thực chi: 25.000.000		
MỆNH GIÁ	SỐ LƯỢNG	THÀNH TIỀN
500.000	50	25.000.000
Tổng		25.000.000
Số tiền bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng		
Người lĩnh tiền		Người chi tiền
(Ký và ghi rõ họ tên)		(Ký và ghi rõ họ tên)

Trường hợp khách hàng muốn chuyển đổi từ TK tiết kiệm này sang TK tiết kiệm khác, GDV tiến hành tắt toán thẻ tiết kiệm cũ, mở thẻ tiết kiệm mới.

➤ Kê toán hạch toán và chi trả lãi

Hiện nay với việc áp dụng công nghệ hiện đại trong Ngân hàng, hàng ngày máy tính sẽ tự động tính toán lãi phải trả cho khách hàng. Khi tiến hành chi trả lãi GDV sẽ in số tiền lãi trên thẻ tiết kiệm đồng thời in giấy lĩnh tiền mặt và bảng kê chi tiền cho khách hàng theo mẫu giống như tài khoản tiền gửi thanh toán.

Đối với tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn: lãi được tính tương tự như lãi tiền gửi thanh toán và được nhập vốn vào ngày cuối mỗi tháng theo phương pháp tích số:

$$\text{Số tiền lãi} = \text{Tổng tích số tính} * \text{Lãi suất tháng/ hoặc lãi suất năm/}$$

lãi trong tháng      30 ngày                      360 ngày

Trong đó:

Tổng tích số tính lãi trong tháng =  $\sum$  [Số dư Có TK \* Số ngày dư Có thực tế ]  
thanh toán trong tháng

Hạch toán:

Nợ TK 8010: số lãi phải trả

Có TK 4231: số lãi phải trả

- Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn

Lãi được tính và hạch toán tương tự như tài khoản tiền gửi có kỳ hạn. Khi trả lãi GDV in ra giấy lĩnh tiền và bảng kê các loại tiền theo mẫu giống như nghiệp vụ rút tiền.

Ngân hàng trả lãi cho khách hàng theo định kỳ hoặc cùng gốc khi đáo hạn.

Việc tính lãi theo từng món và sử dụng phương pháp hạch toán cộng dồn.

Tiền lãi = Số tiền gửi vào \* Thời gian gửi \* Lãi suất tiền gửi

- Trường hợp tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi trả trước: tiến hành chi lãi cho khách hàng ngay khi gửi tiền.

Nợ TK 388: số lãi trả trước

Có TK thích hợp: số lãi trả trước

Hàng tháng phân bổ lãi:

Nợ TK 8010: lãi phân bổ hàng tháng

Có TK 388: lãi phân bổ hàng tháng

- Trường hợp tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi trả hàng tháng:

+ Trích lãi tiết kiệm dự trả hàng tháng

Nợ TK 8010: số lãi dự trả

Có TK 4913: số lãi dự trả

+ Trả lãi tiết kiệm cho khách hàng:

Nợ TK 4913: số tiền lãi

Có TK thích hợp: số tiền lãi

- Trường hợp tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn lãi trả cuối kỳ:

Hàng ngày Ngân hàng tính lãi dự trả cho khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và hạch toán:

Nợ TK 8010: chi phí trả lãi tiền gửi

Có TK 4913: Số lãi dự trả

+ Trả lãi tiền gửi tiết kiệm khi tắt toán trước hạn:

Khi khách hàng có nhu cầu tắt toán trước hạn, Ngân hàng tính lãi cho khách hàng theo mức lãi suất không kỳ hạn cho thời gian gửi thực tế:

Nợ TK 4913: số lãi phải trả

Có TK VND100013601: số lãi phải trả

Đồng thời hạch toán thoái chi lãi:

Nợ TK 4913: chênh lệch lãi phải trả < lãi đã dự chi

Có TK 8010: chênh lệch lãi phải trả < lãi đã dự chi

+ Trả lãi tiền gửi tiết kiệm khi đáo hạn:

Nợ TK 4913: số lãi phải trả

Có TK VND10013601: số lãi phải trả

+ Nếu đến kỳ hạn mà khách hàng không đến lĩnh lãi thì kế toán tự động nhập lãi vào gốc và coi như khách hàng gửi một kỳ hạn mới và hạch toán:

Nợ TK 4913: số lãi phải trả

Có TK KH: số lãi phải trả

Nếu chưa hết kỳ hạn mới khách hàng đến tắt toán, Ngân hàng tính lãi suất không kỳ hạn cho số tiền gửi trong thời gian quá hạn:

Nợ TK 4913: số lãi quá hạn phải trả

Có TK VND100013601: số lãi quá hạn phải trả

• Khi Chi nhánh tổ chức các chương trình khuyến mãi, bốc thăm trúng thưởng nhận bằng tiền mặt thì hệ thống sẽ tự động hạch toán:

Nợ TK 8010: số tiền phải trả

Có TK VND100013601: số tiền phải trả

**Ví dụ:** Ngày 24/04/2015, bà Phan Thị Mai đến Ngân hàng tắt toán thẻ tiết kiệm, lãi suất tiền gửi kỳ hạn 3 tháng là 4,7%/năm, lãi suất không kỳ hạn 0,3%/năm

Đến ngày 24/04/2015 tổng số tiền lãi hệ thống đã dự trả:

Nợ TK 8010: 192.569

Có TK 4913: 192.569 ( $25.000.000 * 4,7\%/360 * 59$ )

Hệ thống tiến hành hạch toán trả lãi:

Nợ TK 4913: 12.917

Có TK VND100013601: 12.917 ( $25.000.000 * 0,3\%/360 * 59$ )

Đồng thời hạch toán thoái chi lãi:

Nợ TK 4913: 179.652

Có TK 8010: 179.652

Cuối ngày, giao dịch trên sẽ được liệt kê vào Nhật ký quỹ (*Phụ lục 06*) và Bảng kê chứng từ thu chi (*Phụ lục 07*).

+) Giả sử ngày 24/05/2015, bà Mai đến Ngân hàng tắt toán sổ tiết kiệm. Hệ thống hạch toán trả lãi:

Nợ TK 4913: 290.486

Có TK VND100013601: 290.486  $(25.000.000 * 4,7\%/360 * 89)$

+) Giả sử ngày 27/06/2015, bà Mai đến Ngân hàng tắt toán thẻ tiết kiệm.

Vào ngày 24/05/2015, tiền lãi trong thẻ tiết kiệm của bà Mai đã được nhập gốc. ngân hàng mở ra kỳ hạn mới 3 tháng cho thẻ tiết kiệm của bà Mai.

Vào ngày 24/05/2015, hệ thống hạch toán nhập lãi vào gốc như sau:

Nợ TK 4913: 290.486

Có TK 040035675432: 290.486

Ngày 27/06/2015, hệ thống hạch toán trả lãi như sau:

Nợ TK 4913: 7.166

Có TK VND100013601: 7.166  $[(290.486 + 25.000.000) * 0,3\%/360 * 34]$

**Biểu 2.18. Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn**

Sacombank  
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín      **THẺ TIẾT KIỆM CÓ KỲ HẠN**

Họ tên: Phan Thị Mai  
Địa chỉ: Phường Đại Nài, TP Hà Tĩnh

CMND/HC: 183236742      Ngày cấp: 03/02/2004      Mã KH: KX7L  
Kỳ hạn: 3 tháng      Phương thức lãi: cuối kỳ      Số TK: 040035675432  
Ngày phát hành: 24/02/2015      Ngày đáo hạn: 24/05/2015

GDV      Trưởng đơn vị

Đơn vị mở thẻ: Sacombank Hà Tĩnh  
Địa chỉ: 37-39 Đặng Dung, TP Hà Tĩnh

Ngày	Mã GD	Số tiền GD	Số dư	LS (%/năm)	Đáo hạn
24/02/2015		25.000.000		4.7	
24/04/2015		Hai mươi lăm 12.917 Mười hai nghìn	triệu đồng  hai trăm chín mươi	hai đồng	

## **CHƯƠNG 3. MỘT SỐ BIỆN PHÁP GÓP PHẦN HOÀN THIÊN KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN TẠI SACOMBANK CHI NHÁNH HÀ TĨNH**

### **3.1. Định hướng phát triển trong thời gian tới của Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh**

Qua 3 năm thành lập và phát triển cũng như những thành tựu và hạn chế còn tồn tại, căn cứ vào định hướng phát triển hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Sacombank và tình hình thực tế tại địa bàn thành phố Hà Tĩnh, Chi nhánh đã đưa ra các mục tiêu cụ thể trong năm 2015 như sau:

- Tiếp tục phát triển theo hướng “NHANH-NHỎ-CAO” nhằm vào các đối tượng khách hàng đại chúng, nhỏ lẻ, cụ thể: khách hàng tiền gửi đến khoảng 1 tỷ đồng, KH tiền vay: từ 100-1.000trđ, đặc biệt chú trọng KH vay từ 100-500trđ, KH doanh nghiệp có bán chéo: đến khoảng 2 tỷ

- Thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa và hạn chế tối đa các rủi ro phát sinh
- Chú trọng công tác truyền thông, phát triển thương hiệu, gia tăng thị phần (thị phần huy động, cho vay,...) và tạo sự khác biệt để tăng tính cạnh tranh với các NH khác trên địa bàn.

- Tăng cường công tác tự đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng mềm cho đội ngũ cán bộ nhân viên. Kèm cặp, đào tạo nâng cao về kiến thức, kỹ năng quản lý, tìm kiếm các nhân sự để bổ nhiệm các vị trí quản lý trong thời gian tới tại CN và các nhân sự tiềm năng đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới.

- Tạo sự khác biệt tích cực của Sacombank so với các Ngân hàng khác trên địa bàn về tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, về chất lượng dịch vụ.

Trên cơ sở các mục tiêu đề ra, Chi nhánh có các giải pháp thực hiện chủ yếu, đặc biệt đối với công tác huy động vốn:

- Tiếp tục áp dụng các cơ chế, chính sách đẩy mạnh tiếp thị các tổ chức kinh tế, ban quản lý dự án, quỹ ( các doanh nghiệp dược phẩm – y tế; các công ty tư vấn du học; các công ty thương mại dịch vụ, các công ty xăng dầu...), các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu; các nhà phân phối, các hộ kinh doanh,... tăng tiền gửi không kỳ hạn, bán chéo các sản phẩm khác.

- Tiếp tục tăng cường củng cố đội ngũ nhân sự để tăng chất lượng dịch vụ đến thị trường để bù đắp phần lãi suất huy động thấp hơn so với các Ngân hàng khác để tăng số dư huy động.

- Xây dựng các chương trình thi đua nội bộ, kích thích bán hàng phù hợp với CN nhằm khen thưởng, động viên kịp thời cán bộ nhân viên hoàn thành sớm các chỉ tiêu được giao.

- Cải thiện công tác chăm sóc khách hàng như: thăm hỏi, tặng quà nhân dịp có sự kiện,...để giữ chân hệ khách hàng hiện hữu và phát triển khách hàng mới từ chính khách hàng hiện hữu.

### **3.2. Đánh giá chung về công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh**

#### **3.2.1. Những kết quả đạt được**

Với vai trò và vị thế của mình cùng với sự cố gắng nỗ lực trong công tác thực hiện, mặc dù mới thành lập nhưng Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh cũng đã đạt những thành tựu nhất định trong những năm qua, đặc biệt trong công tác kế toán huy động vốn:

- Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán khá chặt chẽ, nội bộ có sự kiểm soát, đan xen lẫn nhau. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được kiểm tra, giám sát và phản ánh chính xác, đầy đủ, trung thực và khách quan.

- Những quy trình kế toán xây dựng rõ ràng và việc đối chiếu các số liệu kế toán thường xuyên làm hạn chế các bút toán không chính xác, tiết kiệm thời gian, đồng thời cung cấp số liệu đáng tin cậy.

- Ngân hàng áp dụng hình thức giao dịch một cửa. Cách thức này đã giảm thiểu tối đa những thủ tục phức tạp cho khách hàng khi đến với Ngân hàng, tạo sự thuận tiện và nhanh chóng.

- Đối với nghiệp vụ khách hàng nộp tiền mặt và chi tiền mặt từ TK tiền gửi có quy định hạn mức đối với mỗi giao dịch viên, điều này góp phần quản lý tốt hoạt động thu chi tiền mặt của khách hàng.

- Về chứng từ sử dụng: Ngân hàng áp dụng chương trình hiện đại hóa trong công tác kế toán nên các chứng từ được giảm bớt tạo sự thuận tiện cao nhất trong giao dịch với khách hàng.



- Áp dụng hệ thống T24 hỗ trợ cho việc triển khai các sản phẩm dịch vụ Ngân hàng hiện đại, cho phép phát triển sản phẩm mới, kịp thời cải tiến các quy trình hiện có đáp ứng nhu cầu thị trường. Dựa trên T24, việc quản lý dữ liệu khách hàng, xây dựng các sản phẩm mới,...nhanh chóng và có hệ thống.

- Các nghiệp vụ ban đầu được xử lý hầu hết bằng máy tính, các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình giao dịch với KH đều được máy tính thực hiện một cách tự động, đảm bảo sự chính xác trong từng nghiệp vụ.

- Các giao dịch thực hiện đều phải có sự kiểm tra và phê duyệt của kiểm soát viên. Điều này đảm bảo tính hiệu quả trong quản lý, tránh sai sót và gian lận.

- Trình độ của các cán bộ kế toán không ngừng được củng cố: trong thời gian vừa qua NH đã cử nhiều cán bộ đi tập huấn cũng như đi thực tế về nghiệp vụ kế toán.

- Đội ngũ nhân viên của Chi nhánh trẻ, năng động, nhiệt tình, có khả năng chịu áp lực công việc tốt, cố gắng nỗ lực thu hút, khai thác các khách hàng tiềm năng của sản phẩm tiền gửi khi khách hàng đến giao dịch tại Ngân hàng, đồng thời giữ chân khách hàng cũ.

### **3.2.2. Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì nghiệp vụ kế toán huy động vốn của Ngân hàng còn có những hạn chế sau:

- Đôi khi việc xử lý chứng từ cho khách hàng còn chậm trễ do hệ thống máy tính cùng khởi động một lúc dẫn đến sự cố máy tính bị đứng.

- Do hệ thống bảo mật của Ngân hàng chưa được quan tâm đúng mức nên nguy cơ gặp phải sự cố là rất lớn, có thể gây thiệt hại cho khách hàng và bản thân Ngân hàng. Hơn nữa việc khắc phục lại rất khó khăn, tốn kém, phức tạp .

- Các định khoản sai phần mềm cập nhật còn chậm.

- Đội ngũ cán bộ kế toán của Chi nhánh có trình độ chuyên môn khá nhưng trình độ công nghệ thông tin còn hạn chế. Khi gặp sự cố đều phải nhờ đến nhân viên công nghệ thông tin khiến cho công việc bị gián đoạn, mất thời gian của Ngân hàng cũng như của khách hàng.

- Phong cách giao dịch có lúc xảy ra hiện tượng phục vụ chưa tốt, để khách hàng phải góp ý kiến.

- Do đội ngũ giao dịch viên trong Ngân hàng còn trẻ cũng gặp phải hạn chế thường thiếu độ nhạy bén khi gặp các tình huống khó xử lý, thiếu nhanh nhạy khi có các biến động của thị trường.

- Số lượng các máy ATM, POS của NH còn ít, hiện tại có 2 máy ATM trên địa bàn TP Hà Tĩnh. Điều này chứng tỏ, tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tăng qua các năm song vẫn chưa khai thác được hết nhu cầu sử dụng tài khoản thanh toán của khách hàng.

### **3.3. Một số biện pháp góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh**

Đối với mỗi Ngân hàng, nguồn vốn huy động được giữ vai trò đặc biệt quan trọng, nó mang tính quyết định đến hoạt động kinh doanh của bản thân Ngân hàng, là cơ sở để NH phục vụ nhu cầu về vốn cho xã hội. Do đó, khả năng huy động vốn của NH cũng có ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe của nền kinh tế, nếu hệ thống này hoạt động tốt, luôn sẵn sàng cung cấp vốn sẽ là tiền đề cho sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế đất nước. Để tăng cường công tác huy động vốn thì mảng kế toán huy động vốn cũng cần phải càng được hoàn thiện. Sau đây là một số biện pháp nhằm góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh:

- Hoạt động của Chi nhánh ngày càng được mở rộng, khối lượng giao dịch ngày càng nhiều, yêu cầu của khách hàng ngày càng đa dạng. Do đó điều cần thiết là nên tuyển thêm nhân sự vào bộ phận kế toán – giao dịch cho Chi nhánh nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Tuy nhiên cần xem xét sự tương quan giữa lợi ích và chi phí bỏ ra.

- Cần nâng cấp, tu sửa hệ thống máy tính thường xuyên đảm bảo cho hệ thống vận hành được thông suốt, tránh tình trạng máy tính bị đứng khi xử lý giao dịch.

- Cần quan tâm đúng mức hệ thống bảo mật của Ngân hàng, những nhân viên chuyên trách bộ phận nào thì chỉ nên sử dụng máy tính hay tài liệu của bộ phận đó, tránh tình trạng chồng chéo công việc có thể xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến hoạt động của toàn bộ hệ thống Ngân hàng.

- Cần có biện pháp sử dụng nguồn nhân lực một cách hiệu quả nhất, NH nên chú ý ngay từ khâu tuyển dụng. Tổ chức tuyển dụng công khai, rộng rãi với hình thức hợp

lý, tìm kiếm những ứng viên có khả năng và phù hợp với công việc nhất. Bên cạnh đó cần tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, nâng cao trình độ cả về chuyên môn nghiệp vụ và công nghệ thông tin cho nhân viên.

- Cần tổ chức các khóa đào tạo chuyên biệt nâng cao nghiệp vụ cho bộ phận chăm sóc khách hàng, giúp giải quyết tốt các nhu cầu đa dạng của khách hàng, tạo cho khách hàng cảm giác được tôn trọng mỗi khi đến với NH. Bộ phận này có chức năng hướng dẫn khách hàng lần đầu giao dịch khai báo thông tin; trả lời thắc mắc của khách hàng, tư vấn giới thiệu về các sản phẩm dịch vụ của NH, xây dựng văn hóa giao dịch trong NH.

- Tài khoản tiền gửi thanh toán mặc dù tính ổn định thấp nhưng cũng là tài khoản Ngân hàng huy động với mức chi phí thấp nhất, do đó cần để ý chú trọng thu hút khách hàng dùng tài khoản này. Để khai thác nhu cầu sử dụng tài khoản tiền gửi thanh toán của khách hàng trên địa bàn, Chi nhánh có thể sử dụng biện pháp sau:

+ Tăng cường tổ chức các chương trình khuyến mãi phát hành thẻ

+ Tăng cường hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp có các khoản thanh toán dịch vụ thường xuyên, ổn định số lượng khách hàng... Ví dụ hợp tác với các trường Đại học, cao đẳng trên địa bàn tiến hành thu học phí, chi trả các khoản phí qua thẻ. Hiện tại có nhiều doanh nghiệp tiến hành thanh toán lương thông qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng. Chi nhánh nên nỗ lực hơn nữa để huy động thêm nguồn tiền thông qua hình thức này.

- Bổ sung thêm máy ATM, POS tại các địa điểm khác nhau để tăng thêm tiện ích cho khách hàng khi sử dụng các dịch vụ thanh toán của Ngân hàng.

## PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Qua nghiên cứu, tìm hiểu về công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh cho thấy tầm quan trọng của nó đối với hoạt động và sự phát triển của Ngân hàng, đòi hỏi phải thường xuyên được quan tâm, điều chỉnh. Việc nghiên cứu vấn đề này thiết nghĩ không thể thiếu vì nó là công cụ đắc lực cho công tác huy động vốn – một hoạt động được coi là chủ yếu và quan trọng nhất NHTM.

Với đề tài nghiên cứu “Thực trạng công tác kế toán huy động vốn tại Sacombank chi nhánh Hà Tĩnh” trong thời gian thực tập 4 tháng, em nhận thấy đã giải quyết được những vấn đề cơ bản đặt ra ngay từ đầu trong phần mục tiêu nghiên cứu, cụ thể như sau:

- Làm rõ các khái niệm và một số vấn đề lý luận cơ bản về kế toán huy động vốn tại NHTM nói chung, kế toán huy động tiền gửi nói riêng.

- Khẳng định vai trò của vốn và kế toán huy động vốn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

- Tiến hành phân tích tình hình huy động vốn của Chi nhánh qua 3 năm dựa theo các chỉ tiêu phân tích: loại tiền, kỳ hạn, theo đối tượng. Nguồn vốn huy động của CN liên tục tăng qua 3 năm, tuy nhiên có sự tăng trưởng không đồng đều giữa các nguồn vốn huy động.

- Tìm hiểu thực trạng nghiệp vụ kế toán huy động tiền gửi tại Sacombank Chi nhánh Hà Tĩnh, thủ tục mở tài khoản, quy trình xử lý nghiệp vụ, cách hạch toán các nghiệp vụ phát sinh, quy trình luân chuyển chứng từ. Từ đó, nhận thấy được các ưu điểm cũng như nhược điểm còn tồn tại cần khắc phục như công tác quản lý chứng từ, quy trình giao dịch còn thiếu sót,... Từ đó đòi hỏi Chi nhánh cần có các biện pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả nghiệp vụ kế toán huy động tiền gửi từ đó nâng cao công tác huy động tại Ngân hàng.

- Đề xuất một số giải pháp góp phần hoàn thiện kế toán huy động vốn tại Ngân hàng.

Tuy nhiên trong quá trình thực hiện trong đó chủ yếu là hạn chế về mặt thời gian và vốn kiến thức còn hạn hẹp nên khóa luận vẫn còn có những hạn chế nhất định, cụ thể là:

- Do tính chất công việc bận rộn và cung cấp thông tin còn hạn chế từ phía Ngân hàng.

- Các số liệu, quy trình nghiệp vụ kế toán huy động vốn được xử lý, phân tích trong bài chỉ mới dừng lại ở nghiệp vụ huy động từ tiền gửi, chưa mở rộng sâu sang các nguồn khác. Do đó chưa có sự so sánh, phân tích sâu, cụ thể tình hình huy động giữa các hình thức khác nhau tại Ngân hàng.

- Do không đủ thời gian và điều kiện để thu thập số liệu về tình hình lãi suất của Chi nhánh qua 3 năm – từ đó phân tích biến động lãi suất ảnh hưởng hoạt động huy động vốn của Chi nhánh như thế nào.

### **2. Kiến nghị**

Nghiên cứu về công tác kế toán huy động vốn là đề tài đa dạng, có nhiều mảng để tìm tòi, phát triển nghiên cứu. Nội dung nghiên cứu về kế toán huy động vốn từ tiền gửi chỉ là một khía cạnh nhỏ. Do đó, nếu có thêm thời gian để phát triển khóa luận, tôi sẽ phát triển đề tài theo hướng sau:

- Nghiên cứu tình hình huy động vốn kết hợp với tình hình sử dụng nguồn vốn để từ đó đánh giá hiệu quả nghiệp vụ kế toán huy động vốn một cách chặt chẽ và chính xác nhất.

- Đi sâu vào tìm hiểu quy trình kế toán đối với tất cả các nghiệp vụ tiền gửi của Chi nhánh. Do đề tài chỉ mới dừng lại ở các nghiệp vụ thường xuyên xảy ra nhất, giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt, nên chưa phản ánh được một cách toàn diện và khách quan về quy trình kế toán nghiệp vụ huy động tiền gửi.

- Nghiên cứu kỹ tình hình tương ứng giữa biến động lãi suất – lượng tiền huy động để nhận xét ảnh hưởng của lãi suất đến công tác huy động vốn. Từ đó có thể đưa ra một số góp ý về chính sách lãi suất tại Ngân hàng, giúp hoạt động huy động vốn đạt hiệu quả cao.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo thường niên Sacombank các năm 2012,2013, 2014.
2. Tạp chí Ngân hàng, các số năm 2012, 2013, 2014.
3. Luật Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng
4. Lê Trung Thành, (2002), *Giáo trình Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê
5. Nguyễn Thị Mùi, (2006), *Quản trị Ngân hàng thương mại*, NXB Thống kê,
6. TS Nguyễn Thị Thanh Hương, *Giáo trình kế toán Ngân hàng*, học viện Ngân hàng: [www.webketoan.vn](http://www.webketoan.vn),..)

Các website:

7. [www.sacombank.com.vn](http://www.sacombank.com.vn)
8. [www.webketoan.vn](http://www.webketoan.vn)
9. [www.vnecon.vn](http://www.vnecon.vn)
10. [Http://www.kienthuckinhhte.com](http://www.kienthuckinhhte.com)

# PHỤ LỤC

**Phụ lục 01: Mẫu phiếu đăng ký/ thay đổi thông tin khách hàng doanh nghiệp**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ/THAY ĐỔI THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC  
APPLYING/CHANGING CORPORATION INFORMATION FORM**

ĐĂNG KÝ THÔNG TIN/APPLY/ THAY ĐỔI

Kính gửi/To: Sacombank

THÔNG TIN CỦA TỔ CHỨC (CORPORATION INFORMATION):

1. Tên khách hàng (Full name): .....
2. Tên viết tắt (Abbreviation name): .....
3. Tên tiếng Anh (nếu có) (English name (if any)): .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Mã số thuế (Registration Certificate No./Tax code): .....
- Nơi cấp (Place of issue): .....
5. Giấy phép đầu tư (Investment License): .....
6. Giấy phép thành lập (Establishment License No.):.....
- Nơi cấp (Place of issue): .....
7. Địa chỉ đặt trụ sở chính (Registered address): .....
8. Địa chỉ giao dịch (Business address): .....
9. Số điện thoại (Phone No.): ..... Số fax (Fax No.): .....
10. Địa chỉ email (Email address): .....
11. Loại hình tổ chức (Type of company): .....
12. Ngành nghề kinh doanh (Nature of business): .....
13. Vốn điều lệ (Total capital): .....
14. Tổng tài sản (Total asset): .....

<b>15. Tổng doanh thu:</b>	<b>* THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI 2 (THE BENEFICIAL OWNER INFORMATION 2)</b>
Họ tên (Full name): .....	Họ tên (Full name): .....
Ngày sinh (Date of birth):..... Quốc tịch...	CMND/Hộ chiếu (ID/Passport): .....
Địa chỉ (Address).....	Ngày sinh (Date of birth):..... Quốc tịch (Nationality): .....
.....	Địa chỉ (Address): .....
Số điện thoại di động (Mobile No.):.....	.....
Nghề nghiệp (Occupation): .....	.....
<b>* THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI 3 (THE BENEFICIAL OWNER INFORMATION 3)</b>	<b>* THÔNG TIN CHỦ SỞ HỮU HƯỞNG LỢI 4 (THE BENEFICIAL OWNER INFORMATION 4)</b>

16. Người đại diện theo pháp luật:.....
- CMND/Hộ chiếu:.....Ngày cấp.....Nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....



**Phụ lục 02: Mẫu giấy đề nghị kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ KÌM HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN**

Kính gửi/To: SACOMBANK –

1. Tên Khách hàng
2. Tên viết tắt
3. Mã số thuế/GCNĐKKD/GCNĐKDN/Quyết định thành lập/Giấy chứng nhận đầu tư.....
4. Loại tài khoản      Tài khoản thanh toán      Tài khoản khác
5. Loại tiền      VND      USD      Ngoại tệ khác
6. Yêu cầu sử dụng tài khoản  
Đăng ký thêm người cùng ký trong giao dịch tài khoản:  
Ủy quyền sử dụng tài khoản/Authorizing to use account:
7. Yêu cầu dịch vụ/Service request:  
Thẻ doanh nghiệp/Corporate card  
Thẻ ghi nợ/Debit card      Thẻ tín dụng  
Dịch vụ Ngân hàng điện tử  
Dịch vụ thông báo giao dịch tự động qua tin nhắn điện thoại hoặc email  
Số ĐTDĐ/Mobile No.: ..... Email: .....
- Khác/Other: .....

Chúng tôi đề nghị Sacombank mở (các) tài khoản cho Chúng tôi theo nội dung trên cùng với các thông tin đã đăng ký cho Sacombank theo “Phiếu đăng ký/thay đổi thông tin Khách hàng” ngày / / .Chúng tôi cam kết quản lý và sử dụng tài khoản theo đúng quy định của pháp luật, quy định của Sacombank và Quy định mở và sử dụng tài khoản đã được thỏa thuận giữa chúng tôi và Sacombank theo Phụ lục đính kèm.

Quy định mở và sử dụng tài khoản đã được thỏa thuận giữa chúng tôi và Sacombank theo Phụ lục đính kèm là một phần không thể tách rời của Giấy đề nghị này, nếu có sự mâu thuẫn giữa ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh thì ngôn ngữ Tiếng Việt được ưu tiên áp dụng. Chúng tôi biết rằng Quy định này có thể thay đổi trong từng thời kỳ và chúng tôi chấp nhận tuân thủ các thay đổi đó.

Kế toán trưởng/Người phụ trách kế toán      Ngày/ tháng /năm  
Người đại diện hợp pháp  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**PHẦN DÀNH CHO SACOMBANK**

Số tài khoản	Loại tiền	Ngày phát hành

Giao dịch viên      Trưởng đơn vị

**Phụ lục 03: Mẫu phiếu đăng ký thông tin khách hàng cá nhân**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN**

**THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG**

Tên khách

hàng:.....

Ngày sinh:...../...../.....Nơi sinh:.....Giới tính: Nam Nữ

Số CMND/HC:.....Ngày cấp:.....Nơi

cấp:.....

Quốc tịch: Việt Nam Hoa Kỳ Khác.....Không quốc tịch.....

Số thị

thực:.....

Cấp

bởi:.....

Tình trạng cư trú tại Việt Nam: Người cư trú Người khôn cư trú

Địa chỉ thường

trú:.....

Địa chỉ liên

lạc:.....

Điện thoại nhà:.....Điện thoại di động:.....

Địa chỉ E-mail:.....

Nghề

nghiệp:.....

Chức

vụ:.....

**THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TẠI HOA KỲ**

Địa chỉ thường

trú:.....

Điện

thoại:.....

Địa chỉ liên

lạc:.....

Địa chỉ hòm thư tại Hoa Kỳ: không có

Hợp đồng ủy quyền đại diện tại Hoa Kỳ không có

.....

Chữ ký lần thứ nhất

Chữ ký lần thứ hai

**Phụ lục 04: Nhật ký quỹ ngày 24/02/2015**

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN

DON VI: CHI NHANH HA TINH NHAT KY QUY

NGAY SO LIEU: 24/02/2015

GDV: NGUYEN THI THUY

SO CHUNG TU	DIEN GIAI	TIEN THU	TIEN CHI	CHUNG TU THEO QUY
TT15093GR6Q	CQ DAU NGAY ID4673 VE 104680	80.000.000		01467300300006
TT1509264MXD	LE THI THANH NTM	15.000.000		01814909200008
TT15092VMXRD	CONG TY CP TU VAN VA XAY DUNG DUC THINH RTM		30.000.000	01467907000007
TT15080WXLRD	THU PHI TIEN MAT	16.500		014679080000008
TT1509275MXD	NGO THI XUAN RTM		12.000.000	014673003000011
TT1509266MXD	CTY CO PHAN XAY DUNG DAI THANG NTM	30.000.000		018154092000007
TT1509267MXD	PHAN THI MAI NTM	25.000.000		018149.092.00010
TT15092V7KIL	THU VL	113.083		014679070000016
TT150936LKJM	CQ CUOI NGAY ID480-4673		107.896.476	014679070000018

TONG CONG LOAI TIEN: VND

DU DAU KY: 0

TONG THU: 150.016.500

TONG CHI: 150.016.500

DU CUOI: 0

LAP PHIEU KE TOAN TRUONG GIAM DOC

**Phụ lục 05: Bảng kê chứng từ thu chi ngày 24/02/2015**

T.BANGKE.CT.GDV CHI NHANH HA TINH 03 APR 1  
Area NGAN HANG SAI GON THUONG TIN No. 201  
: NGAN HANG SAI GON THUONG TIN HEAD OFFICE  
NGAN HANG SAI GON THUONG TIN

DON VI: CHI NHANH HA TINH

BANG KE CHUNG TU THU CHI

NGAY SO LIEU: 24/02/2015

STT SO C.TU DIEN GIAI TK DOI UNG TIEN THU TIEN CHI SO CT THEO GDV

1	TT15093FG2JJ	HS PHAM MINH DUC CT HOC PHI	020025157991	237,385,000		014679.093000001
2	TT15093B90HJ	CHI K.HOI F0793 HOANG XUAN HOAI-194213085	VND100014673360		100,000,000	014679.093000005
3	TT1509264MXD	LE THI THANH NTM	040023559309	15.000.000		018149092000008
4	TT15092VMXRD	CONG TY CP TU VAN VA XAY DUNG DUC THINH RTM	VND100014673360	30.000.000	30.000.000	014679070000007
5	TT15080WXLRD	THU PHI TIEN MAT	040024728901	16.500		014679080000008
6	TT1509275MXD	NGO THI XUAN RTM	VND100015643231		12.000.000	014673003000011
7	TT1509266MXD	CTY CO PHAN XAY DUNG DAI THANG NTM	040023580672	30.000.000		018154092000007
8	TT1509267MXD	PHAN THI MAI NTM	040028657622	25.000.000		018149.092.000010
9	TT15092V7KIL	THU VL	040023580672	113.083		014679070000016
10	TT15093T80LJ	CHI K.HOI F0793 HO THI LAN-194213762	VND100014673360		60.000.000	018154092000014

TONG CONG LOAI TIEN: VND

TONG THU: 337.514.583

TONG CHI: 202.000.000

GIAO DICH VIEN

**Phụ lục 06: Nhật ký quỹ ngày 24/04/2015**

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN

DON VI: CHI NHANH HA TINH

NHAT KY QUY

NGAY SO LIEU: 24/04/2015

GDV: NGUYEN THI THUY

SO CHUNG TU	DIEN GIAI	TIEN THU	TIEN CHI	CHUNG TU THEO QUY
TT15093GR6Q	CQ DAU NGAY ID4673 VE 104680	75.000.000		014673003000007
TT150926KMXR	LE THI THANH RTM		8.000.000	018168092000034
TT150927KXMR	CONG TY CP XAY DUNG DAI THANG RTM		30.000.000	018176092000052
TT15081WXLRD	THU PHI TIEN MAT	30.000		014679080000009
TT1509276MXD	LE THI HUONG RTM		15.000.000	014673003000013
TT1509268MXD	PHAN THI TINH NTM	20.000.000		018149.092.00015
TT15085LJXRD	THU VL	35.265.000		014679070000018
TT150936LKJM	CQ CUOI NGAY ID481-4674		74.295.000	014679080000019

TONG CONG LOAI TIEN: VND

DU DAU KY: 0

TONG THU: 127.295.000

TONG CHI: 127.295.000

DU CUOI: 0

LAP PHIEU

KE TOAN TRUONG

GIAM DOC

**Phụ lục 07: Bảng kê chứng từ thu chi ngày 24/04/2015**

T.BANGKE.CT.GDV CHI NHANH HA TINH 03 APR 1  
Area NGAN HANG SAI GON THUONG TIN No. 201  
: NGAN HANG SAI GON THUONG TIN HEAD OFFICE  
NGAN HANG SAI GON THUONG TIN  
DON VI: CHI NHANH HA TINH  
NGAY SO LIEU: 24/04/2015

**BANG KE CHUNG TU THU CHI**

STT	SO C.TU	DIEN GIAI	TK DOI UNG	TIEN THU	TIEN CHI	SO CT THEO GDV
1	TT15093FG2JJ	THU VL	040025157894	134.070.000		014679.093000001
2	TT15093B90HJ	CHI K.HOI F0795 HOANG MAI TINH-194213076	VND100013601566		110,000,000	014679.093000005
3	TT150926KMXR	LE THI THANH RTM	040025747281		8.000.000	018149092000008
4	TT150927MXRD	CONG TY CP XAY DUNG DAI THANG RTM	VND100013605102		30.000.000	018176092000052
5	TT15081WXLRD	THU PHI TIEN MAT	040024728901	30.000		014679080000009
6	TT1509276MXD	LE THI HUONG RTM	040028657622		15.000.000	014673003000013
7	TT1509268MXD	PHAN THI TINH NTM	040024556966	20.000.000		014679070000016
8	TT15093T80LJ	CHI K.HOI F0793 HO THI LAN-194213762	VND100014673360			018154092000014
9	TT15085LJXRD	THU VL	040022055734	35.265.000		014679070000018

TONG CONG LOAI TIEN: VND

TONG THU: 189.365.000

TONG CHI: 163.000.000

GIAO DICH VIEN

**Phụ lục 08: Bảng kê chứng từ chuyển khoản ngày 24/02/2015**

RPI.CHUYEN KHOAN.GDV CHI NHANH HA TINH 24 FEB 15

Are NGAN HANG SAI GON THUONG TIN

Printed at 24 Feb 2015

To NGAN HÀNG SAI GON THUONG TIN HEAD OFFICE

NGAN HANG SAI GON THUONG TIN

Don vi: CHI NHANH HA TINH

BANG KE CHUNG TU CHUYEN KHOAN

Ngày in báo cáo: 24/02/2015

Ngày số liệu: 24/02/2015

GDV: NGUYEN THI THUY

ST	Diện giải	So CT theo GDV	So giao dịch	Tai khoản	Ngoại tệ	Tiền nợ	Tiền có	So chung tu
1	CK LE THI THANH	014679000000706	TT15080K78L	040023559309	VND	-10.000.000		172607758662774
2	CK LE THI THANH	014679000000706	TT15080K78L	040023559309	VND		10.000.000	172607758662774
3	GNCK NGUYEN THI HA	014679093900023	TT15093PHIFJ	040023506234	VND	-27.000.000		172601112661785
4	GNCK NGUYEN THI HA	014679093900023	TT15093PHIFJ	040023506234	VND		27.000.000	172601112661785

**Phụ lục số 09: Mẫu Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn**

<p><b>HỢP ĐỒNG TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN</b></p> <p>Số: Ngày ký:</p>	
<p>1. <b>BÊN A</b> ( Bên nhận gửi)</p> <p>Địa chỉ Điện thoại/Fax Đại diện bởi Ông/Bà- chức vụ Theo văn bản ủy quyền số</p>	<p>NGAN HÀNG SAI GON THƯƠNG TIN(SACOMBANK) CHI NHÁNH:.....</p>
<p>2. <b>BÊN B</b> (Bên Gửi)</p> <p>Tên giao dịch hoặc tên viết tắt Quyết định thành lập/giấy chứng nhận ĐKKD/giấy phép đầu tư số Mã số thuế Địa chỉ Điện thoại/Fax Đại diện bởi Ông/bà – Chức vụ Theo văn bản ủy quyền số</p>	<p>Mã KH Ngày cấp:</p>
<p>3. <b>NỘI DUNG GIAO DỊCH</b></p> <p>3.1. Tên sản phẩm tiền gửi 3.2. Số tiền gửi 3.3. Kỳ hạn 3.4. Ngày giá trị 3.5. Ngày đến hạn 3.6. Lãi suất 3.7. Phương thức nộp tiền</p> <p>3.8. Phương thức thanh toán</p> <p>Vào ngày chi trả (áp dụng đối với lãi tháng, lãi quý)</p> <p>..... .....</p> <p align="right"><b>ĐẠI DIỆN BÊN B</b></p>	<p>Tiền gửi có kỳ hạn</p> <p>Để gửi tiền có kỳ hạn theo Hợp đồng này, Bên B thực hiện: -Nộp tiền mặt toàn bộ số tiền để tham gia gửi tiền tại bên A. -Ủy quyền cho bên A được rích tiền của bên B từ tài khoản số.....mở tại bên A -Chuyển tiền đến bên A từ Ngân hàng ..... Tỉnh/TP:.....</p> <p>Việc thanh toán bằng ngoại tệ được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và bên A về quản lý ngoại hối. -Bên B nhận tiền mặt tại bên A -Bên A chuyển khoản số tiền lãi theo hợp đồng này vào tài khoản số:.....của bên B mở tại Bên A.</p> <p>..... <b>ĐẠI DIỆN BÊN A</b></p>